

KỶ NIỆM
118 NĂM
NGÀY SINH
ÔNG NGUYỄN VĂN VĨNH
15-6-1882 o 15-6-2000



1882 o 1936

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI
1906 o 1936

NGUYỄN VĂN VĨNH

1001 BÀI BÁO

"L'ANNAM NOUVEAU"

1931 - 1936

Tập 18

NĂM 2000



CẢI CÁCH HAY CÁCH MẠNG

Réforme ou Révolution

CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI



15 NĂM CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ XX

Chào đón thế kỷ thứ 21, chúng tôi những người cháu chắt của ông Nguyễn Văn Vĩnh, chỉ được biết ông qua ảnh, qua giá tài sách báo vô giá mà ông đã để lại cho gia đình, cho dân tộc. Để tưởng nhớ ông và hiểu rõ hơn về sự nghiệp còn người ông, trong tập này chúng tôi xin giới thiệu hai bài báo ông viết về:

CẢI CÁCH HAY CÁCH MẠNG



Việt (Đông Dương tạp chí, Trung Bắc Tân Văn...) và tiếng Pháp (Notre Journal, L'Annam Nouveau), chủ nhiệm nhà xuất bản. Năm 1930, ông bị tịch thu nhà in và thu hồi giấy phép xuất bản sách báo quốc ngữ. Năm 1935 ông bị tịch thu hết tài sản, gia đình bị đui ra đường. Ông buộc phải bỏ báo L'Annam Nouveau, biệt xứ sang Lào, lấy danh nghĩa là đi tìm vàng để trả nợ Ngân hàng Đông Dương. Ngày 1/5/1936, ông tử trần, nằm một mình trên chiếc thuyền độc mộc bồng bênh trên dòng sông Sê-ban-hiêng sau một cơn giông tố. Tay ông còn cầm cây bút máy đang viết dở thiên phóng sự về người tìm vàng.

Gia tài quý nhất của ông là bản dịch Kiều sang tiếng Pháp và rất nhiều tác phẩm văn học dịch sang tiếng Việt.

SUY NGÂM VỀ CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG CỦA ÔNG NGUYỄN VĂN VINH, CHA ÔNG CỦA CHÚNG TA.

Cuối thế kỷ 19 và bước vào thế kỷ 20, đế quốc Pháp đã xâm chiếm toàn cõi Đông Dương, đang kết thúc thời kỳ bình định và bắt đầu đẩy mạnh khai thác, chủ yếu tập trung vào nước An Nam, một đất nước giàu nhân lực chưa được sử dụng, giàu cả tiềm năng trên mặt đất và trong lòng đất; lại còn là một thị trường bỏ ngỏ. Họ làm giàu cho chính quốc. Từ thuế thân đến thuế ruộng đất; thượng vàng hạ cám đều đánh thuế; thực hiện độc quyền rượu và thuốc phiện; khai thác khoáng sản, thu nông lâm sản quý hiếm và nhân công rẻ mạt cần thiết cho sự phát triển ở chính quốc... Họ dành một phần nhỏ số thu được để xây dựng nên đường sắt, đường giao thông thủy bộ, trường học, bệnh viện... Tất cả đều mới lạ, vô cùng, hữu ích mà người dân bản xứ có nằm mơ cũng không thấy.

Chính quyền Pháp ở chính quốc cũng như ở An Nam và các thuộc địa khác, tuyên truyền đó là công khai hoá văn minh của họ, tất cả vì dân bản xứ! Không phải, ôi dân bản xứ chỉ là thứ yếu! Thực tế, họ làm hoàn toàn cho chính bản thân họ: sử dụng nội lực thuộc địa, tạo ra điều kiện vật chất và nhân lực không thể thiếu được để bóc lột, làm giàu cho chính quốc họ, đồng thời có mang lại một số lợi ích mà dân bản xứ được hưởng một phần, nhất là những tầng lớp tay sai được ưu đãi, lấy đó làm thuốc an thần. Việc cải thiện phần nào đời sống vật chất,

tinh thần cho dân thuộc địa cũng chủ yếu là vì lợi ích của chính quốc, để củng cố quyền lực của họ đối với thuộc địa.

Vì thế, kinh nghiệm nghìn xưa cho thấy không bao giờ có tình trạng nước đi xâm chiếm lại chủ động và tự nguyện trao trả độc lập cho nước bị xâm chiếm. Muốn giành lại độc lập phải xây dựng nội lực đủ sức mạnh tinh thần, vật chất và quân sự, đủ sức dùng bạo lực đánh đuổi và làm tan rã ý chí của kẻ xâm lược. Kinh nghiệm nghìn đời của An Nam cũng là như vậy.

Vậy tại sao các phong trào giải phóng dân tộc bằng bạo lực của nước ta đầu thế kỷ 20 lại bị thất bại tất cả ? Điều đó cũng dễ hiểu ! Với tình trạng dân trí và dân sinh lúc đó, tuyệt đại đa số đồng bào ở nông thôn và cả ở thành thị đều mù chữ (Số người biết viết và hiểu được bằng tiếng Trung Quốc chẳng có là bao, biết viết và đọc chữ nôm cũng rất ít) đều nghèo khổ, việc lớn nhất trong đời chỉ là lo ăn cũng chưa xong. Nội lực ấy so với sức mạnh đế quốc Pháp đang hưng thịnh thì làm được gì ? Vì thế, các phong trào cách mạng dùng bạo lực non để giành độc lập (như Đông Kinh Nghĩa Thục, yên Thế của Đề Thám, Thiên Địa Hội và Kháng chiến ở Miền Nam, Cần Vương ở Miền Trung...) đối với Pháp như kiến đốt chân, chỉ đập một cái là xong. Kết quả là biết bao những người yêu nước, dũng cảm dùng biện pháp bạo lực, chống lại Pháp với ý đồ giành lại độc lập cho đất nước đều bị hy sinh, tù đầy, không gây được phong trào cứu nước. Trái lại, kết quả là uy thế của Pháp càng cao, vua quan đàn phạn làm tay sai, đồng bào càng sợ. Rõ ràng, chiến tranh giải phóng dân tộc nhất thiết phải làm thì độc lập dân tộc mới có. Nhưng trước hết, phải có giai đoạn chuẩn bị

công phu, kỹ lưỡng, với biện pháp khôn khéo để tác động hữu hiệu, động viên, giáo dục, nâng cao ý chí cho đồng bào và tránh khỏi sự kiểm soát dẫn đến sự khủng bố của đế quốc Pháp. Có như vậy mới biến toàn dân tộc thành một sức mạnh toàn diện, đoàn kết, thống nhất, nhất tể chiến đấu trên các mặt trận chính trị, kinh tế, quân sự thì mới giành được thắng lợi.

Rút kinh nghiệm đau xót trước, các phong trào cách mạng tiếp sau đều chú ý đến công việc chuẩn bị, nhưng về đường lối, quan điểm, biện pháp thực hiện thì rất khác nhau.

Phan Bội Châu, một chí sĩ yêu nước nổi danh hồi đó, chủ trương cách mạng bạo lực nhưng về chuẩn bị lực lượng và tổ chức thì ông lại khởi đầu bằng việc sang Nhật Bản, với chủ ý dựa vào Nhật, vận động Nhật giúp ta đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng, góp phần cùng ta đánh đuổi Pháp xâm lược. Áo tưởng này làm sao thực hiện được, đã nhanh chóng dẫn đến thất bại hoàn toàn. Chịu sự khủng bố của Pháp, rút cục ông đành xin về nước với chiêu bài Pháp Việt để huế. Đây là bằng chứng đầu tiên chỉ rõ muốn cách mạng giải phóng dân tộc thành công, điều quyết định là phải có đường lối cách mạng đúng đắn, nó là tiền đề và tạo điều kiện cho việc không ngừng nâng cao và thống nhất dân trí, xây dựng lực lượng lớn mạnh và giành chiến thắng hoàn toàn cuối cùng.

Năm 1906, ông Phan Chu Trinh (Phan Tây Hồ) nguyên là quan lại trong triều đình Huế, đã cáo quan đi theo con đường Cách mạng cứu nước. Ông đã viết thư bằng chữ nho gửi viên Toàn Quyền Đông Dương, thẳng thắn, cụ thể lên án bọn vua quan bất lực và ăn hại, nêu rõ dân tộc An Nam bị rơi vào cảnh

ngu dốt, đói nghèo, khổ nhục... Đó là vì Chính Phủ Bảo Hộ : Dung túng quan lại An nam, khinh rẻ và ngược đãi dân An Nam, thậm chí tự do đánh đập, giết tróc; quan lại lợi dụng tình thế đó mà ra sức hà hiếp dân đen, ra sức thực hiện sưu cao, thuế nặng nộp Chính Phủ Bảo Hộ để được yên vị và tề tham nhũng từ trên xuống dưới.

Phan Chu Trinh đã dâng hoàng lên án chế độ thuộc địa của Pháp. Ông không chủ trương bạo lực chống Pháp mà chỉ yêu cầu bãi bỏ chế độ vua quan do Pháp duy trì để làm tay sai, đòi thực hiện chế độ trực trị. Đối với nhân dân, cụ đưa ra ba mục tiêu : khai trí cho nhân dân (bằng giáo dục), bồi dưỡng chí khí của họ và bảo đảm cuộc sống cho họ, tóm tắt thành khẩu hiệu : "*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*". Ông đề ra chương trình hành động cụ thể gồm 7 điểm :

- Gửi thư cho Chính phủ Pháp, công kích bọn vua quan và cụ đã làm ngay năm 1906 như đã nêu trên ;
- Lập Hội buôn để mở mang và lưu thông kinh tế;
- Mở trường phổ thông tiểu học ở nông thôn, ngoài chữ Quốc ngữ, có dạy cả chữ Pháp, chữ Hán ;
- Lập Hội Tân học để thảo luận, bàn bạc, trao đổi cái mới trong học thuật ;
- Lập Hội diễn thuyết để tuyên truyền cái mới, cái hay, cái đẹp cho dân chúng biết ;
- Lập Hội trồng cây ;
- Lập Hội cắt tóc, may quần áo ngắn.

Nhưng việc này, ông chủ trương nhất thiết phải làm trong nước, trực tiếp với đồng bào, bằng cách tuyên truyền miệng, mục đích để không bị lộ mặt, né tránh sự khủng bố của Chính quyền thuộc địa. Ấy thế mà ông suýt bị xử tử, tha chết thì bị đi đày, sau được trả tự do và sống ở bên Pháp một thời gian dài (từ 1911-1925) chính là Chính quyền thuộc địa đã tha ông, nó tha ông không phải nỗ lực cảm với mục tiêu đấu tranh của ông mà là một âm mưu chính trị, vừa tỏ ra uy thế của đế quốc, vừa đánh lừa dân thuộc địa bằng một hành động nhân từ, rộng lượng giả tạo.

Còn ông Nguyễn Văn Vĩnh, cha ông của chúng ta thì sao ? Ông là người tiếp thu đường lối Cách mạng của ông Phan Chu Trinh một cách triệt để và sáng tạo. Ngay năm 1906, ông dịch ngay bức thư của ông Phan ra tiếng Pháp để Toàn Quyền Đông Dương hiểu được. Lúc đó ông mới 24 tuổi, đang làm Thông phán Toà Độc Lý Hà Nội. Chúng ta phải thấy đây là một bằng chứng đầu tiên về một bản chất thẳng thắn, muốn góp sức làm cho bức thư quả cảm của ông Phan phát huy tác dụng và ngay sau khi dự cuộc Đấu Xảo Thuộc Địa Mac Xây (Marseille) kết hợp tìm hiểu công cuộc Cách mạng văn hoá ở Pháp về, ông lao vào thực hiện bước ngoặt trong cuộc đời mình: xin thôi chức thông phán phục vụ cho bộ máy Chính quyền thuộc địa và ra làm nghề tự do để tập trung sức thực hiện cách mạng đổi mới nhằm ba mục tiêu do ông Phan Chu Trinh đề ra : "*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*". Đây là một hành động can đảm, quyết tâm vì sự nghiệp Cách mạng đổi mới mà ông tin tưởng. Ông thôi việc thông ngôn với hai bàn tay trắng. Nếu tuyên truyền miệng như ông Phan làm thì hiệu

quả được bao nhiêu ? Ông Vĩnh đã lần lượt sáng tạo ra nhiều biện pháp có tính hệ thống. Không thể hành động đơn độc, ông tham gia với các nhà Nho tiến bộ sáng lập ra trường " *Đông Kinh Nghĩa Thực* " mà ông là một giảng viên nhiệt tình dạy chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp, sáng lập và làm chủ bút " *Đông Cổ Tùng Báo* " , viết xã luận, bản tin, tranh thủ mọi điều kiện để tờ báo sống được, thu hút thêm bạn đọc, vận động thêm người viết. Ông Vĩnh là người đầu tiên làm báo và viết báo ở Miền Bắc, An Nam.

Đó là giai đoạn đầu ông Vĩnh và một nhóm nhỏ Tân học không chủ trương Cách mạng bạo lực nhưng lại tham gia tổ chức yêu nước của các nhà Nho có xu hướng dùng bạo lực chống Pháp, sử dụng các biện pháp công khai (trường học, báo chí), bên ngoài thì tuyên truyền nâng cao dân trí, nhưng bên trong ngầm vận động bạo lực. Đế quốc Pháp có thừa kinh nghiệm cai trị thuộc địa, phát hiện ra ngay. Nó thực hiện biện pháp phân biệt đối xử, chia để trị : tù đày các nhà Nho chủ trương bạo động, tha và tìm cách sử dụng những người Tân học, trong đó có ông Nguyễn Văn Vĩnh để thực hiện giai đoạn hoàn thành công việc bình định và khởi đầu giai đoạn khai thác An Nam. Chúng ta hãy nhớ là lúc này ở An Nam, giai cấp công nhân mới hình thành, còn rất nhỏ bé, Đảng Cộng Sản chưa ra đời. Dù là nhà Nho hay Tân học, yêu nước thì làm Cách mạng, nhưng còn dò dẫm tìm đường, bạo lực đánh đuổi Pháp thì không đủ sức, dựa vào Pháp để tìm cách tăng cường nội lực (Theo ba mục tiêu của ông Phan Chu Trinh) thì biện pháp cụ thể ra sao và giai đoạn cuối cùng sẽ đấu tranh như thế nào để

giành được độc lập ? Vấn đề còn để trống. Tình hình đất nước đòi hỏi hãy cứ làm đi đã.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh và nhóm không bạo động chấp nhận và bắt đầu giai đoạn hai bên Pháp và An Nam cộng tác với nhau có mức độ, lợi dụng lẫn nhau để ngầm thực hiện mục tiêu riêng của mình. Để thực hiện ba mục tiêu của Cách Mạng Đổi Mới (là tiền đề của bất cứ cuộc Cách Mạng nào). Nhóm ông Vĩnh thống nhất phải bắt tay vào làm ngay ba việc cùng một lúc: Làm báo, dịch sách, mở nhà in và nhà xuất bản, song song với quá trình tổ chức và vận động đồng bào học chữ quốc ngữ. Tóm lại là qua báo chí và sách truyện, bằng chữ quốc ngữ, đưa tư tưởng mới, các kiến thức phổ thông nhất, khuyến cáo những việc hay cần làm, những thói hư, tật xấu và hủ tục cần sửa đến với đồng bào một cách nhanh nhất, rộng rãi nhất.

Trong điều kiện đất nước còn quá lạc hậu, vấn đề giải phóng dân tộc còn trong giai đoạn tìm đường thì chủ trương này là tuyệt đối đúng, đáp ứng yêu cầu cách tân đất nước, nhưng làm sao đây ? Sau khi " *Đông Cổ Tùng Báo* " bị đình bản, cả Miền Bắc không có một tờ báo, ấn loát thì nhỏ bé, lạc hậu. Vốn thì các ông không có, mà nếu có thì để gì được lập Hội, được phép thực hiện ! May thay ông Vĩnh gặp được ông F.H. Schneider, một người Pháp, là nhà chuyên môn ấn loát kỹ cựa nhất ở trong Nam, ngoài Bắc nước An Nam. Ông này từ lâu ước mong ra được một tờ báo nhưng không đủ sức làm. Nay hai ông gặp nhau, thật " *Hữu duyên tương ngộ* " , như " *Đều gặp gió* " , mộng làm báo tự nhiên thành. Ông Schneider xin ra báo chữ quốc ngữ , ông Vĩnh làm chủ bút và huy động cả nhóm

cùng thực hiện. Sự nghiệp báo chí chữ quốc ngữ của ông Vĩnh bắt đầu và luôn gắn với Schneider .

Năm 1910, ông Schneider xin ra tờ báo " *Lục Tỉnh Tân Văn* " ở Miền Nam, mời ông Vĩnh vào làm chủ bút. Ông và ông Phan Kế Bính đã làm trong ba năm liền, được đồng bào Miền Nam rất hoan nghênh và góp phần làm cho chữ quốc ngữ thêm thông dụng. Năm 1913, lại ra Hà Nội cùng Schneider ra báo Đông Dương tạp chí; năm 1915 lại ra thêm tờ báo Thông tin " *Trung Bắc Tân Văn* " . Đồng thời làm chủ bút cả hai tờ báo, ông và ông Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính đã thu hút rất nhiều bạn viết tâm huyết, cùng chí hướng, có năng lực chuyên môn khác nhau. Nhờ vậy, các bài báo có nội dung phong phú, viết dễ hiểu, phù hợp với mọi trình độ đọc giả và bám sát ba mục tiêu của Cách Mạng Đổi Mới . Vấn đề cơ bản được viết thường xuyên là xây dựng tinh thần dân tộc, mở mang kiến thức về mọi mặt cho đồng bào, tạo nên một quan điểm sống tích cực, đả phá các tư tưởng cá nhân, bi quan, yếm thế, thói sống trụy lạc, mê tin dị đoan, buồn thần bán thành và tệ quan lại bù nhìn, ăn hối lộ v.v. ... với nhiều bút danh khác nhau, ông Vĩnh viết rất nhiều bài về các chủ đề : " *Xét tât mình* " , " *Phận làm dâu* " , " *Chinh đồn lại cách cai trị dân xã* " , " *Nhời dân bà* " v.v. ... Những bài hướng dẫn cách làm ăn, làm sổ sách kế toán, trồng trọt, kể các ốm đau thì dùng thuốc như thế nào ... Nguyễn Đỗ Mục còn phụ trách mục " *Gõ đầu trẻ* " , phân tích và hướng dẫn việc dạy học trẻ em ...

Bằng dịch thuật , cả ba ông đều ra sức phổ biến văn hoá Đông phương và Tây phương, rút ra những nét đẹp đặc thù của

mỗi nền văn hoá mà đồng bào cần biết để nhận thức được đúng thời đại, học tập tư tưởng và văn hoá tiên bộ của Âu tây, đồng thời phấn đấu truyền bá những tư tưởng và văn hoá tốt đẹp nghìn đời của Á Đông , duy trì những thuần phong mỹ tục của dân tộc . Đây sẽ là nguồn gốc sức mạnh của dân tộc An Nam, để tiếp thu được và hành động đúng đắn đường lối Cách mạng giải phóng dân tộc sau này.

Sự nghiệp dịch thuật của ông Nguyễn Văn Vĩnh rất đa dạng : từ tiếng Pháp sang tiếng Việt qua quốc ngữ, từ tiếng Việt sang tiếng Pháp (Kim Vân Kiều), từ chữ Hán sang tiếng Pháp (Tiền Xích Bích, hậu Xích Bích). Tuy nhiên , phần dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt là chính, gồm nhiều loại, rất phong phú. Luận thuyết, thơ ngụ ngôn, chuyện cổ tích, chuyện danh nhân, tiểu thuyết và kịch là một công trình đồ sộ, lúc đầu in từng đoạn ngắn trên báo Đông Dương Tạp chí và Trung Bắc Tân Văn sau xuất bản thành sách, khổ nhỏ, bán rất rẻ nhằm khuyến khích việc học và đọc sách quốc ngữ, tạo thành bộ sách " *Âu Tây Tư Tưởng* " .

Những việc trên như luồng gió tươi mát thổi vào quần chúng đang nghẹn ngạt trong dốt nát và lạc hậu, như luồng ánh sáng soi vào thế giới tối tăm của một dân tộc nô lệ. Tiến bộ loé sáng, số người biết đọc và viết quốc ngữ tăng lên, người ham học ngày càng nhiều. Tiếng An Nam và chữ quốc ngữ được sử dụng trong mọi lĩnh vực hành chính, luật pháp, văn nghệ, khoa học... Qua dịch thuật và viết báo, rõ ràng tiếng An Nam và chữ quốc ngữ, thoát thai từ một ngôn ngữ nói thô sơ, không viết ra được đã biến thành một ngôn ngữ nói và viết thật phong phú,

vừa uyển chuyển, vừa chính xác, đủ để biểu hiện những vấn đề thật tế nhị. Càng mở rộng sử dụng, nó càng biến hoá tuyệt vời. Không có báo chí, nhà in, nhà xuất bản thì làm sao có sự tiến bộ này.

Từ Miền Trung trở ra Miền Bắc, công đầu thuộc về ông Nguyễn Văn Vĩnh và các đồng chí của ông, quen được gọi là nhóm Đông Dương Tạp Chí, nhóm Trung Bắc Tân Văn; số người tham gia ngày càng mở rộng. Công to đấy, cả nước đều tuyên dương và ủng hộ, nhưng họ phải chịu bao khó khăn vất vả trước sự kiểm duyệt khắt khe của chính quyền Pháp. Là chủ bút, ông Nguyễn Văn Vĩnh phải lo việc này. Thời đó, dưới sự kiểm soát của chính quyền thuộc địa, báo chí quốc ngữ, dù của ai, do ai làm chủ bút, vẫn không tránh khỏi kiểm duyệt, Pháp cho viết mới được viết, Pháp cấm viết thì phải viết. Vì lẽ đó, những năm đầu, ông Vĩnh và nhóm của ông nặng về các vấn đề văn hoá, dân sinh, theo ba mục tiêu của cụ Phan Chu Trinh, rất ít đề cập đến vấn đề chính trị. Thế khi xảy ra những hành động yêu nước bằng bạo lực của một số cá nhân hoặc nhóm thì sao? Chính đây là nguyên nhân gây ra những nhận xét trái ngược nhau khi người ta nhận xét hành động của Nguyễn Văn Vĩnh: Yêu nước hay thục Pháp, phản nước. Là con cháu, được kính nghiệm cách mạng già nửa thế kỷ của đất nước soi sáng, chúng ta nhận xét ông, cha ta như thế nào? Phải công bằng và khách quan! Ông cha ta đã kích, mặt sát những người yêu nước như Phan Bội Châu, Kỳ Đồng... là có hai ý nghĩa:

- Nó là việc nhất thiết phải làm thì tờ báo mới được chính quyền thuộc địa cho tồn tại, mà sự tồn tại này là vô cùng cần

thiết nhằm thực hiện ba mục tiêu đổi mới, chuẩn bị cho hành động cách mạng tiếp theo.

- Ngay từ đầu ông cha ta đã thống nhất với cụ Phan Chu Trinh là không dùng bạo lực. Quả thật, thời gian này, tất cả hành động bạo lực, với động cơ yêu nước trong sáng, nhưng tự phát, thiếu chuẩn bị điều kiện cách mạng toàn xã hội, đều thất bại đau đớn. Những người anh hùng đã hy sinh mà không đem lại lợi ích cho đất nước, trái lại, sẽ thiếu họ khi ngọn cờ giải phóng được phất cao.

Đả kích, mặt sát họ chỉ là một hành động nhất thiết phải làm để duy trì tờ báo, cơ quan ngôn luận của cuộc cách mạng đổi mới mà cũng là góp phần hạn chế các cuộc bạo động phát động không đúng lúc, bất lợi. Ở trên mặt báo, đả kích một cách ngắn gọn với ngôn từ thô thiển nhất, không lịch sự nhưng chỉ tác động vào đối tượng đã làm, đã bị bắt, không ảnh hưởng đến phong trào đang tiềm ẩn. Như vậy, động cơ yêu nước của ông Vĩnh là rõ ràng. Con cháu xin công nhận và nguyện sẽ noi gương ông: Trung thành và kiên nhẫn thực hiện lý tưởng yêu nước.

Đến đây, chúng ta hãy xem xét quan điểm và chủ trương của ông Nguyễn Văn Vĩnh về hoạt động chính trị xã hội để tiến tới giải phóng đất nước. Trong bài viết của ông Lê Thanh Cảnh nhan đề: "*Thử đi tìm một lập trường tranh đấu cho dân tộc Việt Nam.*", thuật lại cuộc họp giữa các nhà cách mạng và chính trị gia khi đó có mặt ở Pháp: cụ Phan Chu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Cao Văn Sên, Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh.

Nguyễn Ái Quốc nói : " *Sở dĩ tôi chủ trương cách mệnh triệt để là xưa nay muốn dành độc lập cho Tổ quốc và dân tộc thì không thể ngửa tay xin ai được mà phải dùng sức mạnh như cụ Trần Cao Vân đã nói là phải dùng Búa Rìu* ". Với chủ trương này, Nguyễn Ái Quốc đã bốn ba gần hai chục năm ở nước ngoài để học tập kinh nghiệm, tham gia " *Hội Liên Hiệp Thuộc Địa* ", viết báo " *Le Pa ría* ", sau dự Đại hội toàn quốc Đảng Cộng sản Pháp với tư cách là đại diện Đông Dương, tham gia viết báo " *L'Humani té* " ... ông đã tố cáo với toàn thế giới và lên án sự tàn ác của đế quốc Pháp đối với An Nam và các nước lạc hậu mà họ xâm chiếm làm thuộc địa, tranh thủ được sự giúp đỡ của " *Liên hiệp thuộc địa* " và của Đảng Cộng sản Pháp. Bằng đường dây bí mật, ông giữ được mối liên lạc với trong nước và từ khi về Trung Quốc, ông đã lãnh đạo và chỉ đạo việc bí mật tuyên truyền bí mật đào tạo cán bộ, bí mật tổ chức những nhóm cộng sản trong nước để làm nòng cốt mở rộng phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Độc lập dân tộc đã thành công chói lọi như toàn dân tộc ta đã biết. Công lao của Bác Hồ, của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải do các nhà sử học viết ra, phải nhiều pho sử mới nói đủ. Ở đây, viết ra những điều kể trên, chỉ nhằm nói lên một kinh nghiệm, một nguyên tắc hoạt động Cách mạng giải phóng dân tộc. Công việc chuẩn bị có tính chất rất phức tạp, có thể rất kéo dài như ở nước ta, có thể bao gồm nhiều giai đoạn với chủ trương và biện pháp khác nhau, thích hợp với tình hình địch, ta trong mỗi giai đoạn : giai đoạn trước phải dẫn đến và chuẩn bị cho giai đoạn sau, các giai đoạn có mối liên hệ hữu cơ với nhau và tập trung thực hiện

giai đoạn chót là đấu tranh bằng bạo lực để giải phóng dân tộc. Chiến tranh giải phóng dân tộc là quy luật.

Cụ Phan-Chu Trinh, sau khi bị Pháp bắt tù đầy về; chủ trương " *Lao tư cộng tác ỹ Pháp cầu tiến bộ* ". Cụ nói nói : " *Tôi đã gặp ^{Phan Châu Châu} Nguyễn Ái Quốc từ 10 năm trước đây mà tôi nhận thấy anh chủ trương cách mệnh triệt để quá táo bạo nên tôi không thể theo anh được và anh cũng không chấp nhận đường lối của tôi.* "

Nguyễn Văn Vĩnh thống nhất với chủ trương cụ Phan, nói : " *Bạo động như anh Quốc nói là thậm nguy !..* " " *Đồng bào chúng ta ở đó còn trong tình trạng ngu muội. Cứ trực trị cái đã rồi sau khi được khai hoá theo đà tiến bộ thì tức khắc dân chúng tự có sức mạnh mà trỗi dậy lên. Nòi trực trị, tôi chẳng khi nào chịu giao nước Nam cho Tây đâu.* " Điều này chứng tỏ cụ Phan và ông cha chúng ta có phần tin rằng với chế độ trực trị, người yêu nước An Nam có thể dựa vào chính quyền thuộc địa Pháp, công tác với họ để tiến hành những cuộc cải cách hợp lý, làm cho dân tộc An Nam tiến bộ về nhiều mặt và hãy tiến bộ lên đã, hồi sau sẽ phân giải việc giành độc lập. Biện pháp giành độc lập như thế nào còn bỏ ngỏ. Nguyễn Văn Vĩnh trong bài : " *Chiếu hường hiện nay của đường lối chính trị đối với người bản xứ* ". Viết trên báo " *An Nam mới* " : " *Người Pháp với những đức tính rất nhân đạo, họ có cơ may trở thành những người chỉ huy được dân tộc này lựa chọn một cách tự do và về phần họ, họ cũng sẽ giúp đỡ cho xứ sở này bằng sự gương mẫu và bằng sự đào tạo trí tuệ, đạo đức và kỹ thuật.* ". Đây quả là một nhận xét rất sai lầm. Có lẽ ông nghĩ như vậy vì đánh đồng

những người Pháp thuộc địa với những người Pháp chân chính (như các nhà văn cổ điển Pháp, các nhân vật tài cao đức trọng trong các tiểu thuyết mà ông nghiên cứu và dịch thuật, và các bạn hữu Pháp mà ông chỉ có điều kiện thấy bộ mặt lịch sự và ngoại giao ...). Những người Pháp thuộc chính quyền thuộc địa, dù ở cấp nào, chỉ có bộ mặt nhân đạo giả nhân giả nghĩa khi cần thiết để đảm bảo quyền lợi của họ, còn khi trái ý họ, vì phạm một chút quyền uy và quyền lợi của họ thì lập tức tù đày, giết tróc ngay. Điều này, chính cụ Phan và ông Vĩnh đã thấy. Với lòng tin người Pháp rất nhân đạo, ông nêu lên mấy khẩu hiệu hành động :

- " *Người An nam phải có quyền được yêu nước Pháp mà vẫn làm việc để khôi phục lại đất nước An Nam.*"

- " *Đấu tranh để đạt được một quy chế hợp pháp, không phải là có hành động chống lại chính quyền Pháp mà là tìm cách củng cố những cơ sở cho việc hợp tác Pháp - Nam.*"

Giai đoạn viết báo quốc ngữ Đông Dương tạp chí, Trung Bắc Tân Văn và dịch sách truyền bá Âu tây tư tưởng là nhằm thực hiện ba mục tiêu đổi mới như trên đã nói, đã đem lại kết quả rất tốt. Dân tộc An Nam đạt được một tiến bộ rõ rệt về văn hoá, xã hội. Đó là vì ông Nguyễn Văn Vĩnh và nhóm của ông đã né tránh được sự kiểm duyệt của chính quyền thuộc địa và ít viết về các vấn đề chính trị quan trọng cũng là một yêu cầu né tránh tạm thời.

Ông vay nợ nhà Băng Đông Dương những món tiền khổng lồ để mở rộng và hiện đại hoá nhà in, xây dựng nhà xuất bản. Ông say mê làm việc này để thực hiện Cách mạng đổi mới.

Chính quyền thuộc địa và tư bản tài chính Pháp cũng sẵn sàng ủng hộ. Họ ủng hộ để trước mắt tỏ thiện chí, còn về lâu dài thì là một dịp để họ nắm chắc quyền chi phối toàn bộ sự nghiệp tuyên truyền báo chí của ông. Phải chăng đó là một âm mưu thâm độc ? Một cái bẫy nguy trang ?

Sang năm 1930, tình hình cai trị của chính quyền thuộc địa ngày càng sa vào các biện pháp đàn áp dã man, cộng với lòng dân đòi hỏi, báo chí nhất thiết phải trở thành một cơ quan ngôn luận chính trị, phải phân tích mối quan hệ giữa chính quyền thuộc địa với nước An Nam, dân An Nam, với quan điểm rõ ràng, sòng phẳng. Những bài báo nói nội dung như thế không thể đăng trên mặt báo quốc ngữ, sẽ bị kiểm duyệt ngay lập tức, tờ báo có nguy cơ bị đình chỉ. Vì thế, ông Vĩnh chủ trương ra tờ báo tiếng Pháp, báo " *Nước Nam mới*" (*L'Annam Nouveau*).

Viết báo tiếng Pháp, lúc này là nhằm đối tượng đông đảo người An Nam biết tiếng Pháp và chính những người Pháp trong bộ máy chính quyền thuộc địa. Ông đã viết từ 1931 - 1936 khi tờ báo bị đình chỉ. Hơn 1000 bài xã luận với tinh thần xây dựng cái đúng, thẳng thắn lên án cái sai, các phóng sự điều tra về sự khổ cực của nhân dân ta, vạch trần và lên án tệ tham nhũng và ăn hối lộ trong hệ thống quan lại và viên chức Nhà nước do chính quyền thuộc địa tổ chức nên ; vạch trần những tội ác do quân đội Pháp gây ra đối với những người dân An Nam bị nghi là cộng sản, không cần xét xử đã giết tróc dã man. Ông đã lên án tội ác vô cùng giã man này, xảy ra ở Vinh, được chính quyền thuộc địa bao che trong bài báo " *Công lý vì lợi ích chủng tộc*" (*Justice de race* trong báo *L'Annam Nouveau*).

Cùng với ảo tưởng có thể cộng tác với chính quyền thuộc địa Pháp để tiến hành những cuộc cải cách hợp lý để đưa dân tộc Việt Nam đến văn minh và tiến bộ, để rồi họ " *Tự có sức mạnh mà trời đất lên.*" , Nguyễn Văn Vĩnh đã tham gia Hội đồng thành phố Hà Nội (năm 1907 lúc 25 tuổi), Hội viên Hội tư vấn, sau đổi thành Đại Hội Đồng Đông Dương (Năm 1913 lúc 31 tuổi). Các Hội đồng này chỉ mang hình thức dân chủ, mỗi năm họp một lần, tổ chức khá long trọng để các đại biểu An Nam góp ý (tư vấn). Sự thật, các quý vị đại biểu được lựa theo tiêu chuẩn chính là có chức vị và nhất là có cảm tình với Pháp nên chẳng có bao nhiêu kiến thức về những vấn đề chuyên môn rất phức tạp, sự góp ý chẳng có bao nhiêu giá trị, mà có giá trị đi nữa nhưng trái với ý đồ của chính quyền thuộc địa thì cũng như không, vì quyền quyết định là Pháp, Hội đồng chỉ làm nhiệm vụ tư vấn chứ đâu có quyền biểu quyết, ra quyết định. Nguyễn Văn Vĩnh thì tham gia với tinh thần quyết tâm xây dựng, có những ý kiến đúng đắn, phát biểu một cách thẳng thắn nhưng cũng bằng không. Ví như chính quyền thuộc địa cùng với giới tư bản tài chính Pháp quyết định chuyển đồng bạc Đông Dương từ Ngân bản vị sang Kim bản vị, với lý lẽ để đảm bảo sự ổn định giá trị đồng bạc. Ổn định chưa thấy đâu nhưng đồng tiền bị sụt giá ngay, thiệt thòi cho dân thuộc địa. Ông Vĩnh đã viết bài trên báo " *Nước Nam Mới*" và đã phát biểu trong đại hội đồng Đông Dương nhưng có ăn thua gì ?

Từ năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, đang trong bí mật tuyên truyền và xây dựng tổ chức. Thế mà hoạt động đơn thuần yêu nước của ông Vĩnh hoàn toàn công khai biểu hiện trên báo chí và trong các hội đồng đã như cái đinh

chọc vào mắt Pháp. Pháp rất căm, nhưng đinh chỉ báo thì không được vì báo " *An Nam Mới*" hoạt động hợp pháp.

Âm mưu của chính quyền thuộc địa là dụ dỗ và đe dọa nếu không từ bỏ báo " *Nước Nam Mới*" vào Huế làm Thượng thư thì chúng sẽ tịch thu hết tài sản do có nợ nhà Băng Đông Dương không trả được. Ông không chịu. Năm 1931, chúng tổ chức cho các quan ta chống lại báo " *Nước Nam Mới*" vì đã lên án quan lại bất lực và tham nhũng. Cũng vô hiệu. Năm 1933, Bảo Đại về nước làm vua, cũng dụ dỗ ông bỏ báo " *Nước Nam Mới*" vào Huế làm Thượng thư. Ông đã không chịu vào thăm Huế, ra Hà Nội viết bài phóng sự " *Từ triều đình Huế trở về*" , vạch trần những bất lực của vua quan Huế. Năm 1934, chúng đưa ra ba điều kiện tối hậu như chúng ta đã nói trên để buộc ông từ bỏ báo nhưng ông vẫn can đảm không đầu hàng. Thế là năm 1935, nhà Băng Đông Dương đưa ông ra toà kiện vì tội không trả nợ. Toà án xử tịch thu hết tài sản, đuổi cả gia đình ra khỏi nhà đang ở, buộc ông từ bỏ báo An Nam Mới và ông phải đi sang Lào tin vàng để trả nợ. Cái bẫy đã sập !

Ngày 1 tháng 5 năm 1936 ông mất ở bên Lào, một mình trên chiếc thuyền độc mộc, trên sông Se Bang Hiên.

Ông Nguyễn Văn Vĩnh, cha ông chúng ta chết đi thê thảm trong tuổi đang đầy nhựa sống. Gia đình hoàn toàn bị phá sản, phút chốc không còn nhà ở. Đó là ý muốn của những người Pháp trong chính quyền thuộc địa và giới tư bản tài chính mà trước đây ông cho là rất nhân đạo. Tuy vậy, hoạt động yêu nước trong đời ông luôn theo ba mục tiêu " *Khai dân trí, chấn dân khí, hậu nhân sinh*" mà ông đã nhất trí với Phan Chu

Trình, liên tục phấn đấu, kiên cường vượt mọi khó khăn, cảm dỗ để thực hiện từ 1913 đến khi chết, năm 1936. Ông ra đi quá sớm, nhưng sự nghiệp ông để lại là đáng tự hào :-

- Đã có công đầu , cùng những nhà nho học và dân học tiến bộ tiến hành công cuộc truyền bá chữ quốc ngữ, làm cho chữ quốc ngữ trở thành ngôn ngữ viết của tiếng An Nam mà mới đây thôi chưa hề có. Chữ quốc ngữ đã được trau dồi, rèn luyện, thử thách trở thành uyển chuyển, phong phú, được sử dụng trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, thay thế hẳn chữ nho, mở đầu cho công cuộc xoá nạn mù chữ ở cả thành thị và nông thôn.

- Mở đầu và hướng dẫn nếp sống văn minh, giản dị, thuần phong mỹ tục, chống những thói hư, tật xấu trong nhân dân, kịch liệt lên án những nhà chức trách áp bức dân để ăn hối lộ...

- Hướng dẫn những nét sơ khởi trong cách làm ăn văn minh, khoa học trong trồng trọt, thủ công nghiệp, thương mại v.v...

Các kết quả này đã có phần đóng góp cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng Sản lãnh đạo.

Là con cháu ông Vinh, chúng ta tự hào về sự nghiệp yêu nước trong sáng của ông, nguyện giữ vững truyền thống yêu nước này dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Quang Vinh ngày nay.

HÃY TỰ HÀO VỀ CHA ÔNG CỤ CHÚNG TA

ÔNG NGUYỄN VĂN VINH.

Bùi Tường Trác và Nguyễn Thị Mười

A.N. số 444-16/5/35

Số 445-19/5/35

Số 453-16/6/35

Số 454-20/6/35

CẢI CÁCH HAY CÁCH MẠNG

Tổ chức xã hội đương thời phải chăng dẫn đến phá sản? Trước khi trả lời câu hỏi này, cần biết xem tổ chức xã hội đương thời là một chặng của sự tiến hoá chung của loài người hay là một chế độ có ưu thế hơn trong những chế độ có thể có .

Là một chặng thi theo định nghĩa, nó là quá độ và chúng ta sẽ đi qua để tiến tới những chặng khác, sẽ cho chúng ta tới chặng cuối cùng lý tưởng của xã hội loài người. Cuộc đi qua từ chặng này sang chặng tiếp theo sẽ thực hiện, một mặt, hàng ngày bằng những cuộc cải cách được xác định liên tiếp, khi thì cải biên dần các quy chế thích hợp với điều kiện sống, khi thì bởi sự sáng suốt của những nhà làm luật, lại biết đón trước những sự cần thiết; mặt khác, bằng những cuộc bật nhảy gọi là cách mạng, mỗi khi những lợi ích đem lại cho một phần của nhân loại buộc họ phải có những cố gắng, chống lại sự chèn ép để giữ được vị trí chuyển tiếp có lợi riêng cho họ.

Trong khoảng thời gian, những chặng có tự lặp lại trong không gian và có thể chẳng nói rằng những giai đoạn khác

nhau của lịch sử văn minh tự lặp lại trong những bộ tộc sống rải rác trên khắp quả địa cầu ? Một vài dấu hiệu hình như nói vậy, bằng cách chỉ cho chúng ta những dân tộc đang thực hiện, chỉ ngày nay thôi, những chặng mà các dân tộc khác đã vượt qua từ nhiều thế kỷ, thậm chí nhiều thiên niên kỷ, mà nay đã đạt đến trình độ tổ chức rất tiến bộ. Nhưng, xem xét kỹ hơn, những dân tộc rất khác nhau về cách sống hình như cũng phải tuân theo riêng những ảnh hưởng địa dư, khí hậu, kinh tế và tâm lý mang tính chất địa phương. Những đặc điểm này đôi khi cũng tự lặp lại một phần, với quy mô khác dưới vòm trời khác, nhưng không bao giờ giống hệt, về tính chất cũng như về tầm quan trọng. Như vậy, có những ngành gia đình nhân loại khác với các ngành khác, họ đã tiến triển với những tính chất riêng biệt có được trong những môi trường mà sự ngẫu nhiên của những cuộc di cư hay sự sinh đẻ đã gắn họ vào.

Khi những sự phân hoá đặt một cách chính xác các dân tộc vào trong một thang tiến bộ vật chất, luân lý và trí tuệ và có thể xác định rõ ràng, thì hình như được phép nói rằng những chặng mà một số dân tộc đã vượt qua trong khoảng thời gian có thể lặp lại trong không gian. Nhưng cái thang này chỉ tồn tại về lý thuyết và nếu hiển nhiên là những người dân Anh Quốc là một dân tộc về mọi phương diện tiến bộ hơn người dân Hattentóts ở mũi Hảo Vọng (Cap de Bonne-Espérance), thì rất khó mà quyết định phải chăng người Đức ở bậc thang cao hơn người Anh hay người Pháp và phải chăng người Trung Quốc cao hơn người Ấn Độ hay người Ả Rập.

Sơ đồ những con đường mà những ngành khác nhau của gia đình loài người đã trải qua thì phức tạp hơn chúng ta tưởng. Những cái nôi khác nhau của các nòi giống loài người đã sản sinh ra nhiều nền văn minh có sắc thái khác nhau mà họ đều muốn tự bảo vệ, nếu người ta muốn đưa họ vào một lý tưởng chung về sự hài hoà hoàn hảo giữa cuộc sống vật chất, cuộc sống đạo đức, cuộc sống trí tuệ và cuộc sống tâm linh, và những chặng tiến hoá chỉ được xác định chính xác trong mối liên quan với mỗi nền văn minh.

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét tổ chức xã hội đương thời dưới hình dạng một định chế đang tự áp đặt trên toàn nhân loại và hất cẳng, chế ngự các định chế khác bằng sức mạnh xâm lăng của những nước Âu Châu mà ở đó định chế này được sinh ra, tiến triển và đạt đến hiệu năng tối đa.

Với sự tiến bộ tuyệt nhanh của những phương tiện thông tin và những dễ dàng trong di chuyển, tất cả đều do các cường quốc Châu Âu kiểm soát, họ đã xâm chiếm tất cả những lục địa Phi Châu, Á châu, Châu Đại Dương trong không đến một thế kỷ và đã áp đặt trên những dân tộc bị chiếm đóng, về chính trị cũng như về kinh tế, công thức sống đã được thử thách ở nước họ và sự chấp nhận công thức này trở thành vấn đề sống hay chết đối với những dân tộc đến nay vẫn tưởng có thể tổ chức cuộc sống của họ một cách khác và tiến triển theo những quy luật khác.

Thật vậy, trong chế định tổ chức Châu Âu, nó đúng hơn là tân tiến, có những sắc thái phân biệt tổ chức Mỹ Quốc với tổ chức Âu Châu cổ xưa và những công thức rất mới mẻ áp dụng

ở Nga, hoặc thí nghiệm ở Ý Đại Lợi và ở Đức Quốc, cổ vũ ở Hợp chủng quốc Mỹ. Nhưng tất cả các công thức này được xử lý theo cùng một quan điểm về cuộc sống cộng đồng quyết định bởi những quan điểm sống cá nhân đặc thù, khá tế nhị, nhưng tất cả đều đáp ứng cùng một lý tưởng có thể định nghĩa là : Lý tưởng tân tiến . Vì chính thể giới tân tiến dẫn dắt loài người và đòi thực hiện số phận chung theo kiểu của họ. Chính là về tổ chức đó của họ mà chúng ta tự hỏi nó có bị gấn vào con đường tan vỡ ?

Để trả lời câu hỏi này, trước khi đưa ra mọi lời giải đáp, thì cần thiết và trước hết phải định nghĩa lý tưởng tân tiến suy ra từ ý nghĩa của những cố gắng đã bỏ ra và sau đó xem xét kỹ những mặt khác nhau mà những cố gắng này, dù là phát huy một cách cá biệt hay tập thể, đã đạt được, đã đem lại cho cuộc sống của những cá nhân và những tập thể và cuối cùng, theo dõi những kết quả thực hiện được để ước tính hậu quả cuối cùng.

Không đi vào mớ lộn xộn những học thuyết đã chia rẽ những nhà tư tưởng và những nhà lãnh đạo Nhà nước, cũng không đi vào những cuộc tranh cãi các đảng phái để tranh giành quyền lực trong mỗi Nhà nước tân tiến, có thể nói được rằng có một lý tưởng chung cho tất cả các dân tộc có nền văn minh công nghiệp, trong đó nổi lên ý kiến về cuộc sống chung tốt đẹp gắn với một khái niệm về công bằng, chẳng bao giờ thực hiện được đó là công bằng trong sự phân chia sản phẩm của ruộng đất và của công nghiệp. Chủ nghĩa duy lý là nền tảng của mọi tổ chức bởi vì nó chính là điều kiện để đạt hiệu

năng, đã đẩy xuống hàng thứ hai mọi lo toan về tinh thần bởi vì tính tình thần không thể giải thích bằng lý tính, bởi vì thuyết quyết định duy lý tất yếu dẫn đến sự chối bỏ tất cả những gì không tùy thuộc vào quy luật nhân quả. Ngay sự thông minh, trong giới duy lý, trở thành đơn giản một phương tiện thực hiện. Những sự chinh phục tư tưởng vô tư nhất, nếu chúng đem lại sự hài lòng cho những tâm hồn nào đó có to tăng mọi cách thành thật thì trong quần chúng, chúng chỉ được coi như những khả năng chế ngự thiên nhiên vì lợi ích vật chất của loài người.

Vậy thì, cái lợi ích nào mà người ta đang ước mong ? Ai đã nghĩ đến định nghĩa nó và cho nó một hình dáng tuyệt đối ? Người ta đã khi nào xem xét sự tuyệt hảo của những thành tựu của con người để có thể tập trung vào đó những cố gắng và cắt đứt ngay sự cãi lộn quá lâu dài khiến cho loài người sáo xé lẫn nhau với lòng tin tưởng tất cả đều đi đến sự tốt đẹp ? Nếu chúng ta hỏi những nhà tư tưởng tân tiến, tất cả những nhà sáng tạo ra các học thuyết nhằm thực hiện hạnh phúc nhất định của nhân loại, chúng ta thấy họ rất - khẳng định đối với một số cách giải quyết tương đối cần thiết, nhưng rất lưỡng lự hay ngập ngừng khi nói về cái đích cuối cùng của toàn bộ hoạt động loài người.

Chính việc tìm cách trình bày và định nghĩa lý tưởng tân tiến mà chúng ta đã gặp những mâu thuẫn rất khó giải quyết.

Xã hội tiến sử xuất phát từ bản năng sinh sản đã cho ra đời những mối liên hệ gia đình, sau là những mối quan hệ họ hàng, cuối cùng là những mối quan hệ quê hương bản quán. Trong thế giới hiện đại, xã hội tiến sử đã thoái hoá trở thành

một liên minh vô ý nghĩa, nhất là từ khi con người duy lý đã học được cách chối bỏ gia đình để thực hiện cuộc sống cao cấp của cá nhân, của con người vượt cao hơn cuộc sống thú tính, được giải phóng khỏi những trở ngại được bác bỏ bởi khi những ý thức suy luận, hay đúng hơn là bởi một sự hiểu sai lầm về những bản năng cao quý nhất của nhân loại.

Nếu đoàn kết làm nên sức mạnh, thì cũng còn phải biết cái sức mạnh ấy dành cho cái gì. Nếu tình cảm về đại gia đình nhân loại cao quý hơn tình cảm về họ hàng gần gũi, thì cái thứ nhất cũng là sự mở rộng của cái thứ hai, bởi vì sự chối bỏ tầm quan trọng của hạt nhân gia đình đầu tiên, thì người ta tước bỏ mọi ý nghĩa của sự đại đoàn kết nhân loại vì nó chỉ là tình cảm gia đình mở rộng. Một số dân tộc tân tiến mới đây đã mưu toan tìm cách trở lại với sự đoàn kết thu hẹp lại về giống nòi. Phải chăng người ta phải thấy mưu toan này là một phản ứng của bản năng nguyên thủy về gia đình chống lại chủ nghĩa cá nhân và những chủ nghĩa dân tộc mỗi ngày càng tách ra nguyên tắc cố kết thực sự làm nên sức mạnh của các nhà nước. Nhưng mà chính sự phản ứng này, giả dụ rằng có hiệu lực, cũng sẽ chỉ là một mưu mẹo để cộng thêm với vô số mưu mẹo về tổ chức xã hội hiện đại.

Trong những xã hội hiện đại, nguyên tắc cố kết là do con người đặt ra; kỷ luật của nó làm cho luật pháp của con người mạnh hơn quy luật tự nhiên. Trong gia đình, những quan hệ hợp pháp mạnh hơn những quan hệ máu mủ tự nhiên. Trong thành phố, những quan hệ truyền thống và những quan hệ có

nguồn gốc công xã đều dần dần phải nhường chỗ cho những quan hệ về lợi ích vật chất của cộng đồng.

- Giải phóng cá nhân khỏi những giàng buộc lịch sử và nhóm tộc thuộc loại tinh thần, luật dân sự những nước lớn cuối cùng làm cho mỗi công dân, một thành viên của cộng đồng, không thấy rõ những lý lẽ phải yêu thích tập đoàn của họ hơn các tập đoàn khác. Cuối cùng, trong nhà nước hiện đại, người công dân một ngày nào đó sẽ tự hỏi tại sao nó phải gắn bó với nhà nước này mà không đi đến nhà nước láng giềng cho nó nhiều lợi ích hơn và tại sao nó phải hy sinh tính mạng để bảo vệ nhà nước của nó, chống những công dân của nhà nước khác. Mặc dù vậy, ý kiến về một cuộc chiến tranh mới vẫn luôn luôn bập bênh trước mặt.

Với sự ganh đua kinh tế giữa các nước, các tình huống càng có vẻ kém hợp lý. Những nước đoàn kết và phụ thuộc các cường quốc công nghiệp và tài chính lo lắng đến những tình huống đạt được, là sức mạnh của họ, hơn nhiều đến tình huống vật chất của những cá nhân mà người ta hy sinh khi chính chúng không tạo nên một sức mạnh. Như thế, những người lao động của mỗi đất nước có liên kết chung với nhau để đấu tranh chống những thế lực công nghiệp và tài chính đang bóc lột họ cùng lúc với máy móc. Dần dần, máy móc phải thay thế lao động, không phải để giảm bớt sự vất vả cho con người mà trái lại, để đỡ phải dùng lao động, rất có lợi cho tư bản, biến thành phi nhân cách, không liên quan đến riêng ai, vẫn không trút bỏ những gì là tàn bạo trong tất cả những sáng tạo của loài người, còn ích kỷ và tham lam hơn những kẻ keo kiệt bậc nhất.

Trong những đất nước không có tổ chức, hai sức mạnh này hợp tác với nhau trong sản xuất, nhưng chúng lại chống đối nhau trong những đất nước có tổ chức. Các nước này đấu tranh với nhau, không phải để tranh lấy những của cải trực tiếp có thể sử dụng được, như thế sẽ là hợp lý và nhân đạo hơn. Nhưng mà không, chúng đấu tranh với nhau để tranh lấy và bảo vệ những tình huống đã đạt được bất lợi cho sản xuất chung và cho sự phân chia của cải sản xuất ra một cách tự động, công bằng. Chúng ưu đãi một cách giả tạo một số sản xuất nào đó, buộc phải tự động giảm sản xuất do thực tế đã bị dư thừa, chúng phá huỷ một số khác, mặc dù đang giảm thiểu, để tạo điều kiện cho các nhà sản xuất có thể bán được đắt hơn.

Tiền tệ, sự sáng tạo thần kỳ này của con người, là công cụ tuyệt diệu đã là một trong những nhân tố chủ yếu của tiến bộ, trở thành một trở ngại cho việc tổ chức hợp lý sự tổ chức và phân phối. Chỉ là một dấu hiệu quy ước của giá trị, nó đã trở thành giá trị tự bản thân và một phương tiện tích lũy hay không sinh lợi, bởi vì khả năng tích lũy của nó cũng là quy ước. Nó làm cho một thiểu số người chẳng có tài cán gì khác là tính toán và đầu cơ, nắm trong tay một quyền lực ghê gớm và bất hợp pháp, bằng cách cho cái quy ước này một giá trị bất biến mà thật ra nó chỉ có một giá trị tạm thời. Những biến động bất thường tác động vào giá trị tiền tệ lại làm nảy sinh những tính toán khác, những sự đầu cơ khác mà kết quả cũng vô căn cứ và chẳng ăn nhập gì với những tính toán và đầu cơ có trước.

Vấn đề tiền tệ về lý thuyết phải được giải quyết phù hợp với từng chặng tiến triển kinh tế thế giới, nhưng lại xuất hiện với

bộ mặt kinh khủng, bởi vì mọi sự điều chỉnh các quy ước đều vấp phải những vị trí đã được thừa nhận và họ ra sức chống lại, cùng hợp sức với họ để chống lại những chính phủ do chính họ lập nên và những chính phủ này không thể tồn tại nếu không đứng ra bảo vệ họ.

Toàn bộ nền sản xuất và hoạt động của thế giới hiện đại đều bị quyết định bởi sức mạnh tập thể dựa vào sự cấu kết giữa những địa vị và những tài sản đã được thừa nhận. Nếu công nghiệp của loài người đã bị tách khỏi mục tiêu chính đáng của nó, đó là sự thoả mãn những nhu cầu của con người theo một trật tự cấp bách hợp lý.

Những thối chế khởi thủy chỉ là phương tiện, sau trở thành mục tiêu và những tiềm lực tốt đẹp của sức mạnh tự nhiên bị thay thế bởi những tiềm lực tưởng tượng quy định những cuộc vận động vô tích sự hoặc xấu xa.

Ở thế giới hiện đại, những giá trị cá nhân chỉ được quan niệm dưới dạng những tính năng động công nghiệp hoá. Những anh tài cá nhân bị phung phí vào đó để thực hiện những việc tầm thường. Trong chính trị, cũng như trong kinh tế, khoa học, nghệ thuật, những trí thông minh cao siêu không còn được phép phát huy tối đa trí tuệ mà phải lo đến tổ chức và hiệu suất có thể ghi chép được.

Những mối quan hệ quốc tế là một sự lộn xộn, rời rạc, không cách gì sửa chữa, bởi vì chính những chủ nghĩa quốc gia cũng không còn nền móng tự nhiên. Các nhà nước chỉ tìm cách khôi phục những sự cân đối bộ phận và nhất thời. Đối với những cái dở, cái xấu, họ áp dụng những cách sửa chữa có tính chất

triệu chứng mà không thấy nguyên nhân xa xôi, không thấy những phản ứng có thể gây chậm trễ.

Đó là nói rằng tổ chức xã hội đương thời, hay gọi đúng tên là xã hội hiện đại, trước hết phải biến đi với tư cách là một chặng tiến hoá chung của loài người. Là cơ chế chiếm ưu thế, sự thắng lợi bất chính của nó là do sức mạnh ma quái của nó và sự hấp dẫn đối với các dân tộc khác bởi những thành tựu vừa tuyệt vời vừa giả dối.

Những chinh phục của họ được nhân loại thừa nhận với điều kiện nhân loại phản ứng chống lại những ưu tiên, ưu đãi dành cho thiểu số cá nhân và những tập đoàn đang lợi dụng để bóc lột...

(Mất một đoạn)

Những lý do dẫn tôi đến kết luận sự thất bại của tổ chức xã hội đương thời tuy còn thiếu sót nhưng đã đủ. Nếu những chứng tật cố hữu của xã hội chúng ta chưa được kể ra đầy đủ như trong một cuốn sách lên án chủ nghĩa hiện đại, thì các vị đã nhìn thấy tất cả, hoặc một khía cạnh nào đó, một vài dấu mối nào đó, mà không phải những cái nhỏ nhất không đáng kể.

Nhất thiết phải thay đổi tất cả .

Phải chăng bằng những cải cách liên tiếp ? Hay là, người ta phải đẩy nhanh sự ra đời một cơ chế mới, đúng đắn hơn, công bằng hơn bằng một cuộc cách mạng tức thì.

Cả hai cách biến đổi đều có mặt lợi và mặt hại. Vấn đề là phải cân nhắc lợi, hại.

Những cải cách liên tiếp đối với một chế độ nhất định thường có hai ý đồ. Hoặc là, nhằm củng cố những nền móng của chế độ, bằng cách làm cho chế độ thích hợp với điều kiện của cuộc sống bình thường, mài nhẵn những chỗ gây trở ngại cho sự xếp đặt, tác động vào các vấn đề tồn tại, bằng cách làm tăng sức mạnh những chỗ dựa, giữ cân đối những chỗ dựa hờ. Hoặc là, cải cách nhằm sửa đổi dần dần bản thân chế độ, thay vào đó một chế độ khác. Để chính thức hoá ý đồ này hay ý đồ kia, trước hết cần phải công bố rõ giá trị của một chế độ sau khi đã định nghĩa it ra về những đường lối chính. Một mặt, chúng ta biết rằng có chế độ hiện hành, nó được xây dựng một cách hầu như ngẫu nhiên; nó dần dần có nội dung hiện nay, sau những sửa đổi lâu dài, phần nhiều bất chợt hơn là có chủ định. Những ai bảo vệ nó, để trục lợi, hàng ngày cố tìm ra những nguyên tắc để có thể trình bày ra. Và không có thể chứng minh được rõ ràng thì họ đành lòng nguyên xi hỗ trợ và bảo vệ nó. Tất nhiên là không hoàn hảo, trong tình trạng biến đổi liên tục và theo họ, có khả năng hoàn thiện vô hạn. Mặt khác, một số cơ chế được cổ vũ, giá trị của nó là do có quan niệm tài khéo và những người cùng phe phái bảo vệ một cách say mê, tìm cách bằng bạo lực thay thế cơ chế hiện hành mỗi khi có những biến cố tạo ra điều kiện. Để làm việc này, họ chịu hy sinh cả đời sống, hay sự tự do của họ vì, một mặt họ phải đấu tranh chống những người bảo vệ cơ chế hiện hành đang có nhiều lợi thế hơn họ: sức mạnh có tổ chức, sự nhu nhược của quần chúng theo bản năng bám chặt vào những hiện thực đang tồn tại và nghi ngờ đối với những cái gì chưa biết. Mặt khác, họ còn phải đấu tranh

3

chống những phe phái khác, họ cũng cạnh tranh và tự thấy có đủ quyền như ai để xây dựng xã hội tương lai.

Nếu sự ganh đua giữa các chế độ được ghi nhận trong phạm vi quốc gia và quốc tế, ngày nay theo nghĩa tương đối của từ ganh đua, nó cũng diễn ra trong một phạm vi khác rộng rãi hơn, phạm vi toàn nhân loại. Mặc dù tính ưu việt của Âu Châu là hiển nhiên, về những vấn đề nó đã thực hiện thì không thể chối cãi được, đó là vinh quang của loài người, nhưng chúng ta, dân Á Đông, chúng ta có cái công thức thật sự về hạnh phúc tập thể. Ngay trong những thời đang ngự trị sự lộn xộn vô chính phủ, sự bần cùng đói khổ, những cuộc nội chiến, những điều ghê tởm không sao tả được, thì ở đâu đó trong nước Trung Hoa rộng lớn, vẫn có những nhà hiền triết gán cho mọi sự xấu xa bất hạnh là do không hiểu biết học thuyết Khổng Tử và Mạnh Tử.

Chúng ta hãy ghi nhận một điều là loài người chưa bao giờ và sẽ không bao giờ thống nhất với nhau về một chế độ tổ chức xã hội.

Lịch sử đã dạy chúng ta cái giá trị của sự ổn định của các trật tự này kia đã được chấp nhận. Lịch sử cũng đã dạy chúng ta rằng những thay đổi đột xuất và dữ dội, được quyết định bất ngờ hay trong tình trạng quá căng thẳng về chính trị và tinh thần, không những có thể thực hiện mà còn có thể đem lại kết quả tốt.

Nhưng mà những quy chế tổ chức đã được thực hiện nối tiếp nhau ở những nước lớn mà lịch sử đã ghi nhận, có thể coi như sản phẩm của hoàn cảnh thời sự mà không ai là chủ sáng

tạo. Những ý kiến của những người nào đó đã ảnh hưởng đến thể chế cũng chính do các hoàn cảnh thời sự gợi ra và chỉ có giá trị cá nhân tương đối. Không bao giờ có kế hoạch hành động được đặt ra một cách tức thì. Chỉ ít, trong những kế hoạch đó, không có cái nào được đưa vào thực hiện nhằm có lợi cho rối loạn xã hội, hoặc thiếu vắng quyền lực đương trị. Sự thay thế một chế độ đối với một chế độ bị thua hoặc bị huỷ bỏ chỉ thực hiện một cách tàn nhẫn khi nhằm chiếm lấy quyền lực. Những cái khác còn lại thì sự chuyển tiếp hoà bình là bắt buộc và những thoả hiệp với quá khứ nhiều đến nỗi người ta thực hiện với những tên khác những hành vi cũ rất không phù hợp với những nguyên tắc mới, mà người ta tưởng là đã chiến thắng.

Từ đó, hai cố gắng là củng cố và biến đổi được thực hiện theo bản năng hơn là tự nguyện. Họ có vẻ như chấp nhận tính chất ngẫu nhiên của các quy chế, sản phẩm của những hoàn cảnh lịch sử mà ý chí của con người chỉ là xác nhận, ý chí chính nó cũng được gợi lên bởi những hoàn cảnh. Được sáng tạo bởi hoàn cảnh và để đáp ứng các hoàn cảnh, các thể chế biểu hiện liên tục. Sự giữ gìn cũng như sự thay đổi nó đều tuân theo nguyên tắc nhân quả. Những cố gắng của con người được nhận xét đúng theo kết quả đạt được. Chiến thắng thì được chính thức hoá. Nhưng mà, cũng có một đạo đức chính trị khác. Các chế độ phải tiến hoá một cách liên tục đã thích nghi với hoàn cảnh và tự hoàn chỉnh mãi mãi, nếu không sẽ bị lạc hậu và có đòi hỏi sự thiết lập đột xuất một chế độ khác do hoàn cảnh gợi ý cho những người không phải là những người đang nắm chính quyền. Những kẻ đương quyền này nắm bộ máy xã

hội, chúng bị mù quáng bởi những quyền lợi cá nhân được chế độ chuyển tiếp tạo ra.

Vậy thì, chế độ lý tưởng phải phát triển không ngừng và như vậy, người ta giải thích những cải cách liên tục như là những cuộc cách mạng.

Xã hội đương thời chính là đang trong trường hợp trì trệ, bởi những người chỉ huy đang bắt lước không quan niệm nổi cái gì khác cái mà họ thấy tuyệt đẹp, tuyệt có lợi, đến nỗi những kẻ đang được ưu đãi bám chặt lấy những lợi thế của họ; khi bị mất đi, họ lại hy vọng chiếm lại được mãi mãi; những người thấy họ hưởng lợi như vậy thì thêm muốn được như họ, dù là chỉ một lúc.

Bây giờ, chúng ta hãy kiểm lại những lĩnh vực khác nhau mà các cải cách dần dần có thể đưa vào. Và các cải cách có thể đưa vào liên tục, mà vẫn không thực hiện được sự hài hoà tối cần thiết giữa các thể chế và các giới nhân loại.

Trong lĩnh vực thể chế, nguyên tắc đại diện hợp lý vẫn đang còn phải tìm tòi nghiên cứu. Giữa những con người với nhau không hề có sự bằng nhau về tầm vóc, về sức khoẻ, cũng không về kiến thức, về khả năng tham gia quyền lực, dù chỉ là mỗi người mang lại một tiếng nói trong sự chỉ định người đại biểu của mình. Mặc dù vậy, họ có những quyền ngang nhau trong sự sống và những khả năng sống một cách nguyên vẹn. Toàn bộ bài toán về sự đại diện là làm thế nào dung hoà sự không bằng nhau do thiên nhiên và do giáo dục với sự bằng nhau lý tưởng này.

Trong lĩnh vực cai trị, các nhà nước, cũng như toàn bộ các nhà nước, giống như các tổ chức kinh doanh. Những tổ chức chỉ huy phải đáp ứng những yêu cầu thực tế và không được lập thành những nhóm công dân được ưu đãi, được bảo đảm sự tồn tại và những ưu đãi gây thiệt hại cho quảng đại quần chúng bị phó mặc trong nghèo khổ và trong tương lai bấp bênh.

Trong lĩnh vực thuế má, chế độ đóng góp phải đơn giản để khỏi cản những tổ chức nhân sự thu thuế quá đáng, không cân đối với vai trò hoàn toàn thứ yếu trong xã hội phải dành cho tổ chức có tính chất nhất thời này. Nhất thiết phải làm sao thuế mà những người và vật phải đóng thuế đều được mọi người thấy là một sự đóng góp đúng và chính đáng đến mức không một ai nghĩ đến trốn tránh nhiệm vụ đóng thuế, và sự trốn tránh này lập tức bị coi như một sự ăn cắp gây thiệt hại cho cộng đồng.

Những thuế đúng đắn, công bằng không gây ra một chút khó khăn nào cho sự phân bổ và thu nộp.

Trong lĩnh vực tư pháp, những thể chế tân tiến như mắc phải cái tệ quá phức tạp, làm cho ở đâu nó cũng thấy như thiếu chín chắn (bị đẻ non), không phù hợp và không thể áp dụng với tâm tính con người xem xét sâu vào những chi tiết tế nhị, tất cả các thể chế tư pháp của những nước tân tiến đều không thể chối cãi được là hơn hẳn các nước tổ chức theo kiểu cũ; chúng được làm phong phú một cách liên tục bằng những sự điều chỉnh và những bổ sung mới đến mức trở thành một khu rừng rậm rạp, trong đó chính những nhà chuyên môn không phải lúc nào cũng thấy rõ. Người ta tự hỏi có một ngày nào đó, một nửa

số công dân sẽ bị huy động để giải quyết những tranh chấp giữa nửa số công dân kia, để xét xử họ với tất cả những bảo đảm cần thiết ?.

Ở đây có một vấn đề tế nhị mà tôi không dám tự đề ra giải quyết.

Tôi chỉ tự hỏi có lẽ là một tiến bộ thật sự nếu đơn giản hoá tới đa bộ máy phức tạp này mà nhiều thể hệ luật gia đã sáng tạo ra để bảo vệ quyền lợi cá nhân từng người, trong khi sẽ tốt hơn nếu dành sự vất vả này và tất cả số kiến thức này để làm cho mọi người một cuộc sống tốt hơn và thanh thản hơn ?

Trong lĩnh vực tài chính, có những cải cách cơ bản cần làm để chỉ định cho tiền tệ chỉ đóng một vai trò chính thức làm phương tiện tính toán trong những cuộc trao đổi của cải giữa những nhà nước với nhau.

Vấn đề này là quá phức tạp để có thể làm đến trong một xứ sở như nước ta, ở đây cuộc sống tài chính gần như chưa tồn tại và những nhà băng được ưu đãi đã làm chủ đời sống kinh tế, lại còn xuất hiện như một thế lực đáng sợ đứng trên thế lực cai trị và đảm bảo chúng sống vất vả, cực nhọc không thể và không có cách gì kiểm soát họ vì quá nghèo nàn, và cũng vì quá dốt nát, hoàn toàn không biết gì về những thể chế ngân hàng và tài chính thống trị họ.

Bây giờ, chúng ta hãy đi vào lĩnh vực xã hội.

Những công trình giáo dục đặt ra một vấn đề lớn mà mỗi nhà nước, mỗi lý thuyết chính trị đều cố vũ một giải pháp tương đối, bàn cãi mãi không ngừng. Hẳn là một bước tiến lớn khi mà

người ta thống nhất về một thể thức giáo dục, đáp ứng được lý tưởng sống riêng ở trong mỗi nước, thích đáng với những điều kiện tồn tại của nhân dân họ, đồng thời lại hoà đồng với lý tưởng lớn lao của nhân loại mà nội dung còn đang ngập ngừng chưa định rõ.

Những công trình cứu tế và tương tế, ít ra như hiện nay người ta quan niệm, thường có tính chất đột xuất và tạm thời, vì trong một xã hội tổ chức tốt thì sự cứu tế, tương tế là bộ phận cấu thành của bộ máy xã hội. Trong lĩnh vực những quan hệ quốc tế, người ta có thể chờ đợi gì ở ngoại giao và những cuộc chiến tranh ? Không nghi ngờ gì. Liên Hiệp Quốc đã là một bước tiến lớn về một kiểu hoà giải những tranh chấp quốc tế, xứng đáng với những dân tộc văn minh. Nhưng Liên Hợp Quốc chỉ là một tập hợp những nước lớn, trong đó những nước yếu kém chỉ được ra nhập với sự chiếu cố những trùng hợp đặc biệt.

Vậy thì cần phải có một tổ chức đại diện quốc tế khác, có tính chất toàn cầu hơn cái hội đồng này chỉ gồm những nước chúa tể. Chúng ta không phải không hiểu những bất lợi từ việc hiện diện ở Giơ Ne những nước yếu kém hay sống nhờ vào các nước lớn mạnh khác, do đây bị các nước này chỉ định thái độ và như vậy là phiếu bầu bị sai lạc. Thế nhưng, một tổ chức đại diện cho tất cả các nước trên thế giới là cần thiết để bàn luận một cách có giá trị những công việc quốc tế. Và để cho nó có tính chất toàn cầu cần thiết, để tất cả những quyết định của nó bảo đảm sự đúng đắn và công bằng cần thiết ; thì tất cả các nước đều phải có đại diện ở đó, bất kể địa vị chính trị của họ như thế nào ; việc bầu cử các đại diện các quốc gia phải được

quy định bởi các nguyên tắc để dung hoà sự độc lập cần thiết của các đại diện này với quy cách bỏ phiếu hay sự chỉ định thích hợp với mỗi xứ sở. Cái chủ yếu là tất cả các nhóm người đã được thành lập đều có thể được nghe tiếng nói, bất kể tiếng nói đó như thế nào, rồi dành cho tiếng nói những giá trị chính xác tùy theo cung cách biểu hiện và tùy theo tiếng nói có thể hay không đưa ra các hội đồng quốc gia để phê chuẩn.

Ở đây, tôi chỉ làm cái việc phác hoạ những nét lớn của một cải cách cơ bản mà chỉ riêng nó có lẽ đã cần những nghiên cứu lâu dài sâu sắc, và có lẽ trước tiên phải được sự nghiên cứu, suy nghĩ của tất cả các nhà lãnh đạo nhà nước, các nhà tư tưởng của tất cả các xứ sở trên thế giới.

Thật vậy, cũng có nhiều khó khăn như nhau để tìm ra một thể thức đại diện thật đúng chỉ áp dụng cho một xứ sở, dù nó được tổ chức rất tốt, hay để tìm ra một thể thức đại diện hợp lý áp dụng cho tất cả các nhà nước để thành lập một hội đồng thật sự quốc tế.

Đối với mỗi nước, đã khéo thu xếp để thích nghi với một thể chế tạm thời còn quá nhiều khuyết điểm, thế giới cũng thế, có thể thu xếp khéo để thích nghi với một thể chế tạm thời như vậy, nhưng có thể hoàn thiện mãi mãi, để thành lập một cơ quan đại diện quốc tế.

Cuối cùng chúng ta đi đến việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ, đó chính là nền móng của tổ chức xã hội. Tất cả những cái khác còn lại chỉ là sự hào nhoáng, nó chỉ tới với sự dồi dào, phong phú về những vật chất cho thức ăn, thức mặc, nhà ở, nói gọn một tiếng là cho sự tồn tại.

Trong thời cổ đại Trung Hoa, tất cả đó là chính trị. Những người lãnh đạo chân chính là những người, dù vui lòng hay bị bắt buộc, làm cho mọi người phải bắt đầu sản xuất những thứ tối cần thiết với sản lượng đủ cho mọi người và chăm lo sự phân chia sản phẩm làm ra cho tất cả những ai có nhu cầu.

Nhu cầu được sắp xếp theo trật tự khẩn thiết trở thành nền móng đạo lý xã hội.

Cùng với sự dồi dào và các phương tiện tiếp tế do con người sáng tạo ra, cuộc sống trở thành tinh tế và phức tạp ở một số khu vực được ưu đãi trên thế giới. Các cách phân phối tinh xảo lâu dần trở thành cứu cánh. Một bộ phận văn minh nhất nếu văn minh có nghĩa là xa rời thiên nhiên, coi những phân cách phân phối này là mục đích, là công việc chính của cuộc sống trên trái đất này.

Từ đó nảy sinh tất cả những cái xấu hiện thời, nó đe dọa kéo lùi thế giới trở về những sự man rợ kỳ lạ nhất, đó là kết quả của sự xa rời thiên nhiên quá đáng.

Cuộc cách mạng tối cần thiết là cuộc cách mạng bằng bạo lực đưa nhân loại trở về một quan điểm tự nhiên hơn về cuộc sống, và để thực hiện, dựa vào khai thác tất cả những gì loài người đã đạt được để chinh phục thiên nhiên.

Tiếc thay, tôi không có thời gian để kiểm lại tất cả những ý kiến can đảm mà những nhà mơ mộng cao thượng đã nghĩ ra để đưa nhanh trở lại lý trí một nhân loại đã trở thành hung dữ vì đã quá sa vào tổ chức ./.

NGUYỄN VĂN VINH

1001 BÀI BÁO "L'ANNAM-NOUVEAU"

1931 - 1936

Đã được dịch ra Việt văn và in lại đến tập thứ 18

1. Một tháng với những người đi tìm vàng.
2. Thư của ông Phan Châu Trinh gửi Toàn quyền Đông Dương 1906.
3. Phan Bội Châu người cách mạng hối hận.
4. Tờ báo này ra đời như thế nào ?
5. Nói thẳng.
6. Từ triều đình Huế trở về.
7. Ông Phạm Quỳnh nhận xét lập trường chính trị của tôi.
8. Những nhân vật đổi mới từ trần.
9. Trẻ con hát, trẻ con chơi.
10. Truyền Thuý Kiều.
11. Chữ Quốc ngữ đổi mới.
12. Tết Nguyên đán.
13. Báo chí và nhà in.
14. Những vấn đề đời sống vật chất của nhân dân ta.
15. Bộ mặt thật của nền giáo dục.
16. Tệ nạn hối lộ dưới mọi hình thức của nó.
17. Xu hướng chính trị hiện nay đối với người bản xứ.
18. *Cải cách hay Cách Mạng*

A.N. số 247(18-6-1933)

CÔNG LÝ VÀ LỢI ÍCH CHỦNG TỘC

Chúng tôi đã nhận được từ Vinh lá thư sau đây :

Thưa ông Giám đốc,

Tôi vừa đọc xong báo Nước Nam Mới, số ngày 18-6-1933, bài của Thông tin viên vô danh XXX của quý báo, có tiêu đề " *Biến cố khủng khiếp ở Vinh dưới con mắt của một người An Nam*" và liên quan đến những vụ bắn giết và tra tấn mà các sĩ quan và binh lính đoàn binh Lê dương đã phạm phải trong thời gian 1930 - 1931, ở miền Bắc - An Nam và nhất là trong những vùng xung quanh Vinh, viện cố là dẹp loạn.

Thông tin viên của quý báo tuyên bố đã tự đặt ra về vấn đề này nhiều câu hỏi về sự việc và biện pháp mà còn lúng túng không giải đáp được.

Tôi cũng tự đề những câu hỏi như thế, tôi nghĩ rằng có thể giúp đỡ ông ấy, vì đã ở ngay tại chỗ để có thể trong chùng mực có thể lập lại sự thật của sự việc mà tôi đã chứng kiến một phần, nhưng Nhà nước và nhất là ban chỉ huy quân sự tối cao đã cố gắng che giấu.

Ông XXX tự hỏi vì lẽ gì người ta đã phải đưa ra toà xét xử thảm kịch và những thói đã man như thời trung cổ này. Có phải là lòng thành thực tuân theo công lý hay chỉ là một sự xét xử giả vờ ?

Tôi đã trả lời :

Đó chắc chắn là một sự xét xử giả vờ, vì đầu tiên, nên báo (Petit Populaire), sau đó báo An Nam Mới đã không tố cáo, rồi lên án, rồi nhắc đi nhắc lại nhiều lần những hành động ghe tởm này thì có lẽ chẳng có một sự truy tố nào trước Pháp luật.

Chính là sau những bài báo Petit Populaire trong tháng 3 và 4 năm 1931 mà Hội Nhân Quyền ở Paris đã được báo động, thông báo những hành động dã man đầu tiên đến Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và đến toàn quyền Pasquier, lúc đó đang ở Pháp. Ông Pasquier, rất xúc động, đã cử ra một ban điều tra đứng đầu là ngài Chánh Toà Morché tháng 7 năm 1931 thì sang An Nam để điều tra tại chỗ.

Chính cuộc điều tra hành chính này đã xác nhận sau việc khai quật, việc giết hại ở cầu Lĩnh Cam thuộc Vinh, ngày 9 tháng 3 năm 1931, tên Nguyễn Huy Trước và hai người An Nam không rõ căn cước, bởi viên đội Hecht, viên hạ sĩ Fuhrmann và tên lính Hirsh, cả ba đều thuộc đơn vị Lê dương, theo lệnh của sĩ quan chỉ huy.

Cũng chính cuộc điều tra này đã xác lập bằng con đường hành chính rằng hai tên đội Von Bergen và Laym đã sát hại ở Nam Đàn ngày 29 tháng 5 năm 1931 tám người An Nam tên là: Nguyễn Dậu hay Đào Cum, Nguyễn Em Long hay Lương, Nguyễn Phon, Nguyễn Hai Ni hay Hy, Phạm Ái, Trần Bài, Trần Xuân và Nguyễn Văn Khương.

Vì những sự cân nhắc chính trị, chính quyền và toà án đã làm mọi sự có thể làm để xếp hồ sơ vào tủ, không giải quyết. Nhưng ở ngoài công chúng, người ta không quên, chính sự can

thiệp cuối cùng của Hội Nhân Quyền, cách đây ba tháng, đã dẫn tới việc rút hồ sơ khỏi hộp, chắc hẳn không có bỗng nhiên mà như vậy.

Vả lại, cái chứng tỏ rằng ở cấp cao, người ta muốn bóp nghẹt những chuyện này, đó là sự thăm cứu sự việc thứ hai, sự việc thăm sát ở Nam Đàn, đã kết thúc vào tháng 6 năm 1932, nhưng mà mãi đến tháng 6 năm 1933 mới được đem ra xử.

Tất cả những cái đó đã được định trước, bởi vì, như đã viết trong quyết định ngày 25 tháng 11 năm 1931 của phòng buộc tội Toà án Hà Nội về sự việc thứ nhất : (... Quan Toàn quyền tạm quyền và Tướng chỉ huy quân đội đã ra chỉ thị bằng lời nói là phải bắn hết những người Cộng sản bị bắt quả tang).

Vả lại, hãy xem tập luận xét xử thuộc địa của Penaut, số 452, tháng 5 - 6 năm 1932, trang 145 đến 150... Những sĩ quan, khi mà vị tướng còn có mặt ở Bắc Kỳ, trong khi lấy cung đều chối, đã nhận của sĩ quan chỉ huy lệnh giết các tù nhân và họ chỉ xep hơi không dám nói láo trong những phiên toà của Toà án Đại hình ngày 13 - 14 tháng 6 vừa qua. Ủy viên công tố bắt quả tang một trong số sĩ quan đã khai mâu thuẫn với lời cung.

Một bằng chứng khác rằng ở cấp trên, người ta chỉ muốn một cuộc xét xử giả vờ, đó là trong phiên toà ngày 14 tháng 6 vừa qua, khi đến phần uỷ viên công tố nói lời buộc tội, ngài đã im lặng.

Tôi biết là ngài đã phát biểu để ca ngợi sự vinh quang của ngọn cờ Lê dương, việc này chẳng liên quan gì đến hoàn cảnh hiện nay, còn việc áp dụng hình phạt, tôi xin nhắc lại, thì ngài im lặng... Tuy nhiên, chính chỉ để làm việc này mà ngài có mặt

ở đây. Khi uỷ viên Viện công tố đã không loại bỏ sự truy tố và trái lại, đã chứng minh và kết luận là tội phạm thì đương nhiên ông ta phải đòi hỏi một hình phạt, vì Luật hình pháp nói : " *Tội gì, hình phạt ấy* " (Bỏ một đoạn vì đi quá sâu vào luật hình, không cần thiết).

Ông XXX, mời ông tự kết luận.

Ông uỷ viên Viện Công tố, sau khi đã chứng minh những tội phạm, mà chính các tội nhân cũng đã thú nhận, sẽ không đưa ra yêu cầu một hình phạt nào trong phiên toà ngày 14 tháng 6, coi như đã ngấm để nghị tha bổng. Ban Bồi thẩm Pháp đã hiểu ý ngấm đó và đã tha trắng án.

Thật là Công lý theo chủng tộc.

- Tất cả sự việc này đã được suy nghĩ chín chắn, viết ra quan điểm rõ ràng, nhằm mục đích, khi dư luận công chúng Pháp quốc đòi hỏi những giải thích về sự việc mới này, thật sự quá nghiêm trọng thì Bộ trưởng Bộ Thuộc địa có thể trả lời các người chất vấn ở Nghị viện: " *Thưa các ngài, tất cả đều hợp thức. Những bị cáo đã được đưa ra Toà Đại hình.*"

Ở PHÁP, TRONG THỜI GIẠN ĐẠI CHIẾN 1914 - 1918

Chúng ta đọc trong Công Báo Đông Dương, năm 1915 trang 1467 : báo cáo để trình ngài Chủ tịch Hội đồng Paris bởi nhóm uỷ thác được thành lập nhằm ghi nhận những hành vi vi phạm nhân quyền của quân thù (Sắc lệnh số 23 tháng 9 năm 1914)

" *Nếu kẻ thù của chúng ta (quân Đức) không chút ngần ngại dùng những biện pháp trái với nhân quyền và những thoả ước quốc tế, họ càng không sợ thực hiện những sự độc ác dã man nhất và hết sức vô ích đối với thương binh và tù nhân .*

Một trong những chỉ huy của họ, Tướng Stenqer, chỉ huy lữ đoàn 58, đã không hề hổ thẹn mà ra lệnh Bộ chiến tranh của chúng ta đã cho biết nội dung, cho các chiến sĩ tàn sát những kẻ thù đã được đặt trong tình trạng không thể chống đỡ.

" *Bằng lệnh này ra ngày 28 tháng 8 năm 1914 vào hồi 4 giờ chiều bởi tên quan hai Sfoy, chỉ huy đại đội 7, trung đoàn bộ binh thứ 112 đóng ở Thiaviele, ở cửa rừng St Barbe, đã được ghi nhận là tử do, người ta không bắt giữ tù binh nữa: binh lính đối phương bị thương có khi giới và không chống đỡ đều bị sát hại và những đám tù nhân đóng đặc cũng bị giết hết. Không một người sống sót sau đội quân.*

" *Ngày 20 hoặc 21 tháng 9 năm 1914, ở bệnh viện Lycée Grenoble, Trung sĩ Guillaum thuộc trung đoàn 367 đã tuyên bố với chúng tôi rằng : có 4 người thuộc trung đoàn này đã đi tuần tra chỉ huy bởi hạ sĩ Constantin, họ đã bị bất ngờ rơi vào tay một đoàn quân Tây Đức. Cả 5 người đều bị bắt, tước hết vũ khí, sục túi lấy hết mọi thứ và chính tên quan ba chỉ huy quân địch đã cho mỗi người một phát súng lục vào tim ..."*

Công báo Đông Dương kể lại nhiều vụ tàn sát tương tự do bọn Đức thực hiện (Xem Công báo Đông Dương, năm 1915, trang 1466 và tiếp theo : năm 1916, trang 270 và tiếp theo).

Khi chiến tranh kết thúc, Chính phủ Pháp yêu cầu phải đưa những người Đức gây ra những hành vi độc ác này ra truy

tổ trước Toà án hình sự Leipzig ở Saxe. Những đại diện cho Pháp, Anh. Ý được cử để tham dự phiên toà và đảm bảo có những án phạt... Toà án Leipzig đã tha bổng tất cả ...

Chính phủ Pháp và báo chí Pháp đã nổi lên, viết bài cực lực phản đối sự không xét xử này của Toà án.

Ở ĐÔNG DƯƠNG TỪ NĂM 1931-1933

Chúng ta đọc trong nhật báo " *Tương lai Bắc Kỳ* " (L' Avenir du TonKin) những ngày 12 và 13 tháng 6 năm 1933: " *Những trung sĩ Von Bergen và Layon, những tên linh Lê dương Godefroy Henri, Boru Henri, Legallic Julien phải chịu trách nhiệm về ám sát, giết người, âm mưu giết người và đồng loã.*"

Thời gian này ở, An Nam có nhiều người An Nam bị bắt; Những tên: Nguyễn Đan hay Đào Cum, Nguyễn Em Long hay Lương, Nguyễn Phôn, Nguyễn Hai Ni hay Hy, Phạm Ai ở làng Thanh Đàm, Trần Bai và Trần Xuân ở Long Giai và Nguyễn Văn Phương.

Cuộc điều tra đã không thể làm rõ một cách không thể chối cãi trong những điều kiện thế nào mà họ bị bắt hình như họ bị bắt sau khi bị những người khác tố cáo, nếu không phải là họ tự tố cáo lẫn nhau là cộng sản. Họ bị giam giữ đã nhiều ngày, mặc dù đã không cùng bị bắt với nhau; và họ đã ở bất Nam Đàn mà quan tri huyện không được báo cho biết và ngay khi bị bắt cũng không được giải lên huyện, như lẽ ra phải làm.

Von Bergen và Layon đi trở ra ngay lập tức. Von Bergen với một súng lục có thể là súng của Layon, tên hạ sĩ quan này đi về phía xà lim ở đó đang giam nhiều tù nhân. Nó nắm tay một người và kéo ra. Sau đó, vì người An Nam này có tóc dài, nó ra lệnh cho hạ sĩ quan Dennomnaud cắt tóc đi. Tên này thử cắt bằng cưa nhưng không được. Tên Lê dương Godefoy cầm lấy một cái kéo, cắt tóc và cùng một lúc cắt ngay phần trên của tai bên phải. Trong thời gian này, Von Bergen thoả mạ tù nhân này và theo như tên Lê dương Baru nói, còn đánh bằng roi gân bò. Chính một trong những cú đánh này đã trúng Godefoy, đã làm lạng cái kéo và gây ra vết thương ở tai. Sau đó, Von Bergen bắn nhiều phát súng vào bẹn trái tù nhân, trong khi tù nhân đang nằm dưới đất và rồi đưa trở vào xà lim, đồng thời nạt nộ những tù nhân trong đó.

Có lẽ đúng vào lúc này, Von Bergen để cho những tên Lê dương đã bị kích động như ta có thể hiểu được, đánh đập những người tù nhân khác bằng cuốc, bằng roi gân bò hay những cách khác tương tự, Godefoy, Deunomnaud và Hildebrandt cùng ở đấy với bọn đánh người như vậy. Lúc này, chuông reo giờ ăn và các tên Lê dương đi về nhà ăn, ở đó người ta dọn cho mỗi người một cốc vang. Layon đi vào phòng của Von Bergen.

Trong thời gian bữa ăn, những phát súng mới lại được bắn ngoài sân, nhiều lính lê dương ra sân; và họ trông thấy ngoài xà lim mà cửa thì mở, một đàn bản xứ nằm dưới đất, máu nhễ nhại ở bẹn và đùi trái. Von Bergen ở gần đó, súng sáu cầm tay. Giống như người tù nhân trước, Von Bergen bảo các

bạn tù đưa nó trở vào xà lim, ra lệnh đóng cửa lại, không phải là không đã bắn vào họ. Sau đó, Von Bargen lại vào trong buồng nó, gặp lại hạ sĩ Layon và hai người ở với nhau cho đến khi đêm đã xuống hoàn toàn.

Von Bargen đã khẳng định nó chỉ bắn vào hai người kéo quạt vì họ đã chạy trốn sau khi bị mắng vì biếng nhác; nhưng trong điều tra, những lời khai của các nhân chứng thì rất dứt khoát : đã được xác định rõ là không có lúc nào hai tù nhân này có ý tìm cách trốn khỏi bốt vì rằng Von Bargen đã bắn vào họ sau khi lôi họ từ xà lim ra ...

Khoảng 9 giờ đêm, cái xe tải nhỏ đã sẵn sàng để khởi hành và những lính lê dương được chỉ định cũng sẵn sàng lên xe. Chính lúc đó, Von Bargen ra lệnh chở 8 tù nhân của bốt. Những người liền ra khỏi xà lim tù : ít ra là hai người, một số nhân chứng nói là ba người, đã bị thương nặng. Những người khác đã bị đánh đập bằng dùi cui và vỏ chai, còn đi lại được, đã có thể giúp bạn họ đi tới và lên xe tải. Cả tám người, không ai chết.

Và lại, trong thời gian này, những tên hạ sĩ bàn bạc tranh cãi với nhau như những kẻ say rượu và bị kích động cao độ. Nhưng vẫn giữ được sự kiểm soát tinh thần. Von Bargen đã tuyên bố, đã giao các tù nhân của ông ta cho hạ sĩ quan Layon để dẫn lên Đô Lương lấy cung, vì ở đây không có thông ngôn. Thế nhưng, ý định của nó chắc chắn là để giết tất cả, bởi hạ sĩ quan Layon vì những câu chuyện mà tụi lê dương đã kể lại thì khoe về lời lẽ và đều thể hiện một dự án. Layon hình như không muốn nhận trách nhiệm dẫn tù nhân và chỉ bằng lòng nhận

những người còn khỏe mạnh. Thế nhưng, ý của nó lại bị nói trái lại bởi câu Janessens nói lại với nó : " Nhất là đừng để mất chúng dọc đường ", Layon lại trả lời : " Yên tâm, đừng lo gì về vấn đề này " ; hay là mấy câu nói mà Sebeffer nhắc lại : " Sự không nhận trách nhiệm về mấy tù nhân " Von Bargen đã đáp lại : " Tao đếch cần, mà chỉ việc vừa đi vừa ném chúng xuống đường " Layon còn nói rằng Von Bargen đã trả lời nó : " Mà chỉ việc ném nó xuống sông " và Kopousky nói thêm rằng Von Bargen có lẽ đã nói với tù nhân là nó đưa họ đến bệnh viện để chữa trị. Nhưng hai tên hạ sĩ đều thống nhất vì Layon không cho tù nhân xuống xe và hơn thế nữa, chẳng ngại làm bị thương những người khác trên xe, nó bắn bừa vào trong xe một phát súng sáu. Chẳng ai biết kết quả phát súng đó ra sao.

Trong khi các tù nhân đang trên xe tải nhỏ, đậu ở cửa bốt Nam Đàn, có một người An Nam tên là Nhuận đi tới, nó là cai giao thông công chính ở Nam Đàn. Mấy ngày trước, người này đã bán bốn quả trứng cho tên bếp của Von Bargen, tên là Công văn Chu và mới nhận được tiền ba quả. Vào 7 giờ tối hôm đó, cai Nhuận đến đổi nốt tiền quả trứng thứ tư nhưng không được, bị trả lời là quả trứng ấy hỏng. Cãi nhau nổ ra và một tên lê dương đưa anh cai vào bốt. Đúng lúc này, tên bếp Chu tới và kêu với chủ là bị tên cai đánh, nó còn nói thêm là tên cai đã tìm cách cứu những tù nhân ở trong xe tải. Von Bargen đánh tên cai Nhuận mấy dùi cui và đuổi đi. Nhuận chạy ngay đi nhưng cũng có liếc nhìn xem việc gì xảy ra phía trước xe tải. Baru ra điều bộ giữ Nhuận lại, nhưng không được nên nó đuổi theo mấy bước, lưỡi lê cầm tay.

Vừa lúc đó Nhuận ngã xuống, Baru đã kịp tới, nó đâm mấy cú, ít ra là hai cú, mà cú cuối cùng mạnh đến nỗi nó rút lưỡi lê ra khỏi thân thể một cách khó khăn. Nó kêu to: "*Lưỡi lê của tao, lưỡi lê của tao*"

Godefroy nghe thấy, cùng với hạ sĩ Von Bergen đi tới và nhìn thấy Nhuận bị trọng thương, nó nói với chỉ huy và được đồng ý là nên kết liễu. Godefroy bèn cầm lấy khẩu súng trường, cầm nòng mà giáng xuống một cú mạnh đến nỗi khoá nòng bị vẹo và kim hoả bị gãy. Và hình như thế vẫn chưa đủ, người An Nam này còn bị đau bằng các vỏ chai mạnh đến nỗi trai bị vỡ trên đầu. Sau đó theo lệnh của Von Bergen, Boru và Godefroy, hoặc là Lebrun và Hildelrandi, các nhân chứng không nhớ rõ, khiêng Nhuận vào trong xe tải.

Không ai có thể nói lúc này nó đã chết chưa, nhưng cũng có thể coi như đã chết và chắc chắn đã chết khi những sự việc trên đường Đô Lương xảy ra.

Khi xe tải bắt đầu chạy, trên xe có hạ sĩ quan Layon là chỉ huy đoàn, tài xế Dietler, năm lính lê dương: Le Gallic, Haman, Scheffer, Kolodeguy, Kopensky đều trở về Đô Lương, tám tù nhân chở đi Nam Đàn. Nhuận hoặc xác nó và Đỗ Thị Phú, nhân tình của Kopensky được lên lệnh cho lên. Các tù nhân bị trói chặt.

Sau khi khởi hành một chút, Layon ra lệnh dừng xe vì trời tối mịt, các nhân chứng nhận xét khác nhau khoảng cách từ đó tới nơi khởi hành, người thì nói cách 800 mét, những người khác lại nói cách bốn Nam Đàn hai cây số. Từ lệnh dừng thứ nhất, nhiều lệnh tương tự được đưa ra. Haman và Kopensky

cho là hai lần, Seleffer và kolodeguy cho là ba lần, còn Le Gallic thì bốn lần. Những nhân chứng này cũng không nhớ thống nhất mỗi lần dừng, hạ sĩ Layon cho xuống mấy tù nhân, nhưng họ đều nhất trí khẳng định theo lệnh dứt khoát của Layon, tất cả đều bị giết, rằng hạ sĩ đã tự mình dùng súng sáu giết tất cả, trừ một người; rằng người duy nhất còn lại này, Layon ra lệnh dứt khoát cho tên lính lê dương Legallic dùng súng trường mà giết, súng sáu của nó bị hóc. Layon cầm khẩu súng trường trong tay và Gallic chỉ bấm cò theo lệnh của nó. Những tù nhân An Nam bị bắn khi đang nằm dưới đất. Cuối cùng, các nhân chứng đã thống nhất khẳng định rằng Nhuận đã bị chết khi được đưa ra khỏi xe tải. Điều này cũng không làm cho nó tránh khỏi sự đối xử như đối với tù nhân còn sống.

Sau đó, xe tải tiếp tục lên đường, đến bến Van-Giai, nó được rửa và kỳ cọ rất kỹ lưỡng để làm mất đi mọi vết máu. Sau đó khoảng ba hay bốn cây số cách bến đò, ở Vo-liệt, vẫn theo lệnh của Layon, các tên lê dương được phép bắn loạn xạ tùy ý, làm như bị một băng cộng sản tấn công. Trận chiến đấu giả vờ này nhằm để giải thích những nhận xét có vẻ chi tiết về chiếc xe tải và sự nó trở về trễ giờ.

Nhưng ngày 30 tháng 5, khoảng 8 giờ sáng, tên lính gác số đăng ký 65 đi đến ngã ba Yên Thịnh, cách bốn Đô-Gang 80 mét thì nó bắt đầu kêu gọi lên. Nó vừa bắt được một người bản xứ bị thương. Nhưng vì đang đứng trước một đám đông thái độ đáng sợ nên nó kêu cứu. Sau đó, nó thực hiện bắt người bị thương, có tên là Trần Bay ở làng Dương-Giai; một phát đạn súng sáu đã trúng đầu, đạn vào má phải và ra khỏi phía tai trái.

Cách đó khoảng 200 mét người ta tìm thấy hai xác chết trong bụi rậm và cuộc tìm kiếm tiếp tục đã phát hiện ra tất cả.

- Cuộc khám nghiệm của thầy thuốc pháp y đã không đem lại cho cuộc điều tra một yếu tố mới nào. Các xác chết mang nhiều vết đạn ở ngực, bụng, đầu; một vài xác có những mảnh vỡ dính vào vết thương. Trần Bẩy bị điếc hoàn toàn và Vĩnh Viễn, thẩm vấn bằng phương pháp hỏi viết, nó đã có thể xác định rõ máy xe tẩu không ngừng chạy trong thời gian các cuộc tàn sát, nhằm làm khó nghe thấy những tiếng súng nổ. Trần Bẩy là người cuối cùng bị bắn.

*

* *

Ngài luật sư chính (M.L'avocat général) đứng lên và trước khi bắt đầu đọc bài luận tội, ông xin sự chiếu cố của Toà án, ông cảm thấy đang trong tình trạng hết sức mệt mỏi.

Tuy nhiên, ông trình bày bài luận tội rất hay đẹp, với lời văn bay bổng về vai trò của quân đội, về những nhiệm vụ của người lính trong những trường hợp giống như những trường hợp đã dẫn những phạm nhân đến trước công lý. Ông khẳng định tội của hai bị can đầu tiên nhưng ông không đề nghị hình phạt.

Công chúng (Âu Châu) không thể cầm khỏi vỗ tay khá ồn ào hoan nghênh đoạn kết thật sự thống thiết ...

Toà án, sau nghị án, tuyên bố trắng án. Hậu quả tất nhiên là : Von Bargen, Layon và Legallic được tha bổng và được tự do ngay lập tức.

Báo " *Tương Lai Bắc kỳ* " (L' Avenir du TonKin) viết thêm rằng bản án này, buổi tối được thành phố biết, đã gây ra một sự hài lòng chính đáng (Légitime satisfaction).

Bạn đồng nghiệp của chúng ta đáng ra phải viết thêm " *Trong giới người Âu* " , vì nếu những vụ tha trắng án của Toà án Leipzig (Tribunal impérial de Leipzig) bị chính phủ Pháp coi là một điều ghê tởm thì Toà án Hình sự Hà Nội tha bổng bọn lê dương kể trên, đối với người An Nam, là một sự bất công ghê tởm.

Chúng thực đưa vào in

Chủ sở hữu - Giám đốc

Nguyễn Văn Vĩnh

GG1 D621-21518

TÀI LIỆU ĐÁNH MÁY 12 TRANG

Số tài liệu ở thư viên

NÊN KHÔNG ĐƯỢC CHỤP PHOTO.

Aix-en-Provence

BÀ PHAN THỊ MINH ĐỘC VÀ DỊCH

TÓM TẮT ĐẠI Ý :

Trường Đông Kinh Nghĩa Thục (ĐKNT) bị đóng cửa, ông Nguyễn Văn Vĩnh bị lên án là " *Chống Pháp* " trong hoạt động ĐKNT, nên đã viết bức thư xin cho trường được hoạt động trở lại:

Cuối năm 1906, Toàn quyền Beau chính thức ra quyết định cải tổ giáo dục bản xứ, chỉ yêu cầu có đơn xin bằng văn bản chính thức là được mở trường.

Một số nhà nho chậm tiến phê phán cho là mở trường có hại cho truyền thống dân tộc.

Một số khác đồng ý mở trường để thử nghiệm một chương trình và một phương pháp học tập mới để xem có phù hợp không.

Ông Trần Hữu Dục và ông Nguyễn Quyến viết đơn gửi ngài giám đốc giáo dục và Đốc Lý Hà Nội xin mở trường; và trường ra đời không có ngân quỹ, chỉ trông vào sự hảo tâm và lời kêu gọi đóng góp của mọi người. Chỉ sau hơn một tháng, trường ĐKNT đã mở cửa ở số nhà 10 phố Hàng Đào. Nhiều nhà nho đã đóng góp tiền và công sức nên đã có đủ giáo viên, dù chưa giỏi nhưng đã có, không có lương chỉ mỗi ngày có hai bữa cơm và chỗ ngủ ở ngay trong trường.

Cụ Cử Lương Ngọc Cán người cao tuổi nhất và giỏi chữ Hán đã được cử làm Hiệu trưởng.

- Để tỏ rõ tính chất và cách hoạt động, trường được lấy tên là Đông Kinh Nghĩa Thục (Đông kinh là Bắc Bộ, nghĩa là làm việc nghĩa không lấy tiền, Thục là trường) " *Trường dạy học không lấy tiền ở Bắc Bộ* " .

Có cả người lớn cũng xin vào học trường, có cả các nhà nho đã đỗ các khoá thi ở Nam Định cũng xin vào học, phải có chương trình cao hơn cho họ. Người ta dùng những sách báo của Tàu và của Nhật có bán ở các phố Hàng Ngang và Hàng Buồm, trong đó có những bài về sự phạm, luân lý, khoa học, lịch sử và v.v....

Cứ mười lăm ngày có một buổi diễn thuyết nói về những phong tục tập quán xấu xa cần bãi bỏ ở nông thôn và trong các làng xóm, chống tệ xôi thịt, ma chay cúng bái, những việc làm có hại và v.v..., Thịnh thoảng có nói về những tệ nạn tham nhũng của những quan lại, có người làm thơ ca để vận động bỏ con đường quan lại ra buôn bán làm ăn.

Năm 1906 tôi vừa ở Pháp về, sau khi đã cùng Ngài đến thăm trường ĐKNT, điều làm tôi thấy không hợp lý là những tư tưởng của Tàu được các nhà nho tiếp thụ và truyền đạt lại chính là những tài liệu của Pháp được dịch ra tiếng Tàu, tam sao thất bản... Tôi thấy nguy hiểm quá vì có nhiều người bất mãn với Pháp tiếp thu bài học tưởng là của Tàu. Trong lúc đó may thay có một số người qua đó mà hiểu được đúng hơn nước Pháp và Âu Châu và nhờ đó mà có tình cảm đúng đắn hơn. Tôi vừa mừng lại vừa lo.

Tôi đã đề nghị được tham gia ĐKNT và đã được ngài đồng ý chấp nhận. Ngày 15 tháng 3 âm lịch tôi đã tham gia giảng dạy lần đầu tiên, tôi thấy một giáo viên giảng về nghĩa vụ của thanh niên dựa vào một loạt tấm gương của người Tàu, người Nhật. Tôi đã nhẹ nhàng khen, nhưng tiếp theo tôi nói về lợi ích phải học chữ quốc ngữ và khắc phục sửa chữa những thói xấu đang tồn tại. Tôi được hoan nghênh nhưng không phải không có người không bằng lòng, vì tôi đã bác bỏ cái tệ học Tàu. Có người mơ tưởng cầu Nhật giúp, tôi đã lấy tấm gương của Đài Loan và Triều Tiên nhắc nhở họ.

Cuối cùng tôi đã thuyết phục được thanh niên là muốn nước Nam có tương lai phải dựa vào nước Pháp, bài nói chuyện cuối cùng của tôi về Trường Đại Học Việt Nam đã được trên năm trăm người nghe là một kết quả rõ ràng.

Ông Phan Châu Trinh đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong công việc này. Tình bạn và việc ông Phan Châu Trinh tán thành những nguyên lý của tôi đã củng cố được lòng tin của mọi người đối với sự vô tư của tôi... Vì cho đến bây giờ cũng vẫn còn nhiều người thắc mắc vì tôi là viên chức Nhà nước nghỉ việc. Ông Phan Châu Trinh có nhìn thấy một số mặt vụ ở trong số những người nghe. Ông nói : " *Thà nói thẳng với Khâm sứ và Toàn quyền còn hơn để bọn này nói lại câu được câu chăng.*"

Tiếp sau đó đã xảy ra vụ cảnh sát kiểm tra lục soát và tìm thấy ba khẩu súng ở một trường học ở Hà Đông, là những súng trong thành của Pháp bị mất. Đông Kinh Nghĩa Thực bị khám xét, chỉ tìm thấy một số tranh và bản đồ của Nhật, một số sách chữ Tàu, của trường thì chỉ có một vài bài thơ ca vận

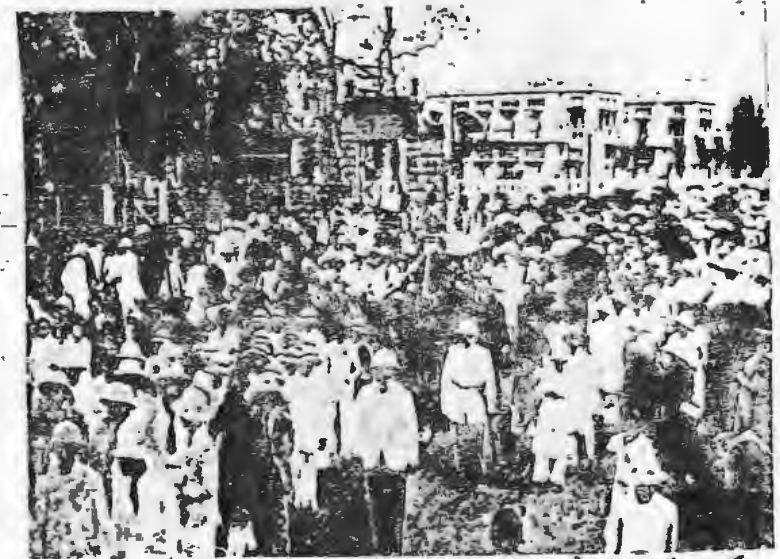
động học hành, yêu đồng bào, yêu nước, và một số truyện lịch sử thông thường có bày bán ở các hiệu sách ngoài phố.

Bức thư của Phan Châu Trinh cũng được tìm thấy được dùng như một tài liệu để nghiên cứu.

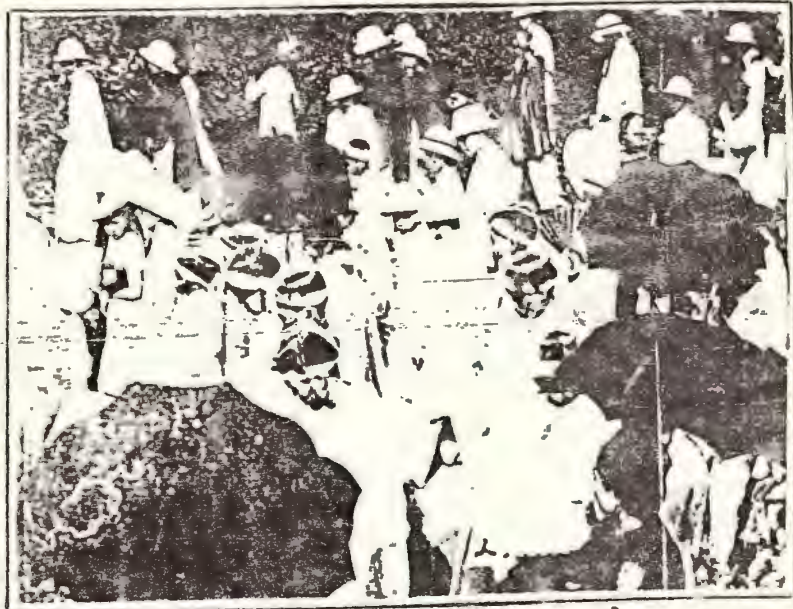
Hôm sau ông Lương Văn Can được gọi lên Tòa Khâm Sứ và yêu cầu đóng cửa trường, ông trình bày thế nào cũng không được, ông chạy về hỏi tôi, tôi khuyên ông cứ chấp hành lệnh của trên đã, và sau đó sẽ trình bày rõ. Có thể sẽ có lệnh ngược lại.

Cuối cùng ông Nguyễn Văn Vĩnh biện bạch nhiều tính chất công khai hợp đạo lý của ĐKNT và mong được Toàn quyền chấp nhận cho trường ĐKNT được hoạt động trở lại.

(Toàn văn bản dài 12 trang đánh máy giấy mỏng nên thư viện không cho photo lại).



Đám tang ông Nguyễn Văn Vĩnh - Đoàn trẻ em bán báo



ĐÁM TANG ÔNG VINH 8-5-1936 Ở HÀ NỘI

Người dịch :

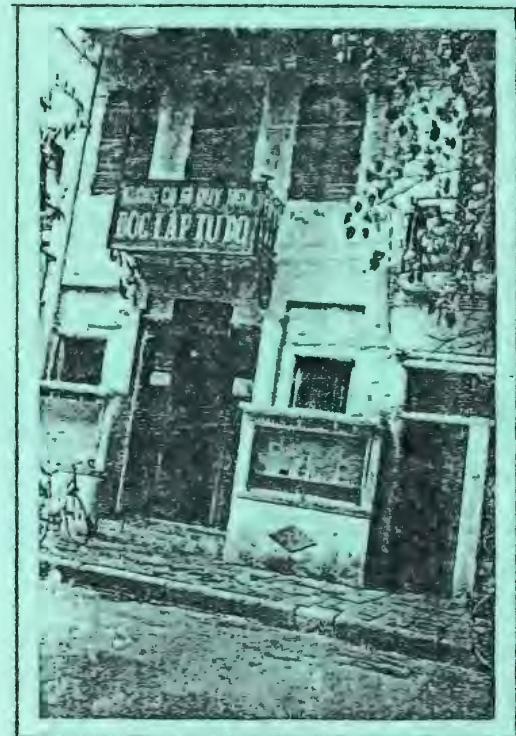
NGUYỄN THỊ MƯỜI
BÙI TƯỜNG TRẮC

Lên trang và sửa bản in : NGUYỄN THUẬN MỸ

Trình bày : NGUYỄN NGỌC ĐỊNH



NHÀ 46 PHỐ HÀNG GIẤY HÀ NỘI, NƠI SINH ÔNG NG. V. VINH



NHÀ 34 PHỐ HÀNG MÃ MÂY HÀ NỘI, NHÀ Ở CỦA GIA ĐÌNH Ô. NG. V. VINH 1907-1921